

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Thông tư này quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. 2. Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường bức xạ, hạt nhân và hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường phục vụ trực tiếp cho hoạt động đo lường đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác.	Không quy định	Không sửa đổi, bổ sung.	Kế thừa toàn bộ nội dung Điều 1 của Thông tư số 24
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (sau đây viết tắt là tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm). 2. Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được chỉ định (sau đây viết tắt là tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định). 3. Các cơ quan nhà nước về đo lường, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	Không quy định.		

⁽¹⁾ Các cụm từ “Tổng cục trưởng”, “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng”, “Tổng cục” và “Tổng cục TĐC” đã được thay thế tương ứng bởi các cụm từ “Chủ tịch”, “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia”, “Ủy ban” tại Điều 18 Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
Chương II HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG	Không quy định.	Bãi bỏ Chương II	Chồng chéo với quy định hiện hành tại Nghị định số 105 và Nghị định số 154
Điều 11. Điều kiện chỉ định	Không quy định.	Bãi bỏ Điều 11	Chồng chéo với quy định hiện hành tại Nghị định số 105 và Nghị định số 154
Điều 12. Hồ sơ đề nghị chỉ định Tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 11 của Thông tư này lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị chỉ định gửi trực tiếp tại trụ sở Ủy ban hoặc qua đường bưu điện đến Ủy ban. Bộ hồ sơ gồm: - Đề nghị chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (theo Mẫu 6.ĐNCĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). - Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (theo Mẫu 2.BCCSVL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). - Báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện năm gần nhất (theo Mẫu 5.BCHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). - Văn bản của người đứng đầu tổ chức đề nghị quy	Không quy định.	Điều 1. “Điều 12. Hồ sơ đề nghị chỉ định: 1. Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (sau đây viết gọn là Ủy ban) tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết, xử lý thủ tục hành chính cấp quyết định chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. 2. Tổ chức đề nghị chỉ định lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị chỉ định và gửi về Ủy ban thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định	- Nêu rõ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính. - Bãi bỏ khoản 3,4,5,6 theo Phương án cắt giảm tại Quyết định số 1526 (khoản 2) - Bãi bỏ khoản 7 do đã bị bãi bỏ tại Nghị định số 154 và Nghị định sửa đổi Nghị định số 105 và Nghị định số 154 đã quy định nội dung cụ thể về độc lập, khách quan - Sửa đổi khoản 2 (thực hiện theo biểu mẫu) và khoản 8 để thống nhất với quy

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
định về nội dung, hình thức, việc chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. 5. Hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 theo quy định tại Điều 22 của Thông tư này (trường hợp đề nghị chỉ định kiểm định phương tiện đo nhóm 2). 6. Hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường theo quy định tại Điều 30 của Thông tư này (trường hợp đề nghị chỉ định kiểm định phương tiện đo nhóm 2). 7. Văn bản của người đứng đầu tổ chức đề nghị cam kết: a) Tuân thủ các văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành và không chịu tác động bên ngoài làm thay đổi kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện; b) Không trực tiếp kinh doanh hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho khách hàng thông qua sử dụng phương tiện đo nhóm 2 thuộc lĩnh vực đề nghị được chỉ định (trường hợp đề nghị chỉ định kiểm định phương tiện đo nhóm 2). 8. Danh mục hồ sơ của hệ thống quản lý đã thiết lập và duy trì đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đề nghị chỉ định.		của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Bộ hồ sơ gồm: a) Đơn đề nghị chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (theo Mẫu số 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). b) Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (theo Mẫu số 02. Báo cáo về cơ sở vật chất và nhân lực tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 105/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP. c) Danh mục các quy trình, thủ tục của hệ thống quản lý đã thiết lập và duy trì phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đề nghị chỉ định (đối với trường hợp chỉ định lần đầu hoặc chỉ định lại).”	định của điều kiện hoạt động của tổ chức chỉ định tại Nghị định số 105 và Nghị định số 154. - Quy định rõ tổ chức không phải nộp lại danh mục hệ thống quản lý khi thực hiện điều chỉnh nội dung của Quyết định chỉ định.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
Điều 13. Xử lý hồ sơ đề nghị chỉ định 1. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Ủy ban thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị chỉ định những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày Ủy ban gửi thông báo, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung hồ sơ đầy đủ theo quy định, Ủy ban có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. 2. Trong thời hạn ba mươi (30) hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban ra quyết định thành lập đoàn đánh giá tại cơ sở và tiến hành đánh giá theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này. 3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ kết quả đánh giá tại cơ sở, nếu kết quả đạt yêu cầu quy định, Ủy ban ra quyết định chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (gọi tắt là quyết định chỉ định) theo quy định tại Điều 15 của Thông tư này cho tổ chức đề nghị chỉ định; trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, Ủy ban thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị chỉ định và nêu rõ lý do. 4. Việc xử lý hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 tại Khoản 5 Điều 12 được thực hiện theo thời hạn quy định tại Điều này và theo yêu cầu, trình tự, thủ tục quy định tại Mục 2 Chương III của Thông tư này. 5. Việc xử lý hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường tại Khoản 6 Điều 12 được thực hiện theo thời hạn quy định tại Điều này và theo yêu cầu, trình tự, thủ tục quy định tại Mục 3 Chương III của Thông tư này.	Không quy định.	Điều 1 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau: a) Sửa đổi khoản 1 Điều 13 như sau “1. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Ủy ban thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị chỉ định những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày Ủy ban gửi thông báo, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung hồ sơ đầy đủ theo quy định, Ủy ban có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.” b) Sửa đổi khoản 1 Điều 13 như sau “2. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban ra quyết định thành lập đoàn đánh giá tại cơ sở và tiến hành đánh giá theo quy định tại Điều 14 Thông tư	- Điều chỉnh giảm từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc khi thông báo về việc hồ sơ cần bổ sung, hoàn chỉnh - Giảm bớt 10 ngày làm việc (30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc) trong tổng thời gian xử lý hồ sơ chỉ định, đảm bảo đáp ứng phương án thủ tục hành chính tại Quyết định 1526.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		số 24/2013/TT-BKHCN.”	
Điều 14. Đánh giá tại cơ sở 1. Đánh giá tại cơ sở được tổ chức theo hình thức đoàn đánh giá và thực hiện đánh giá theo nguyên tắc chuyên gia. 2. Đoàn đánh giá do Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia quyết định thành lập để đánh giá tại cơ sở, báo cáo kết quả và tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia về sự phù hợp của tổ chức đề nghị với các điều kiện quy định tại Thông tư này. 3. Thành phần đoàn đánh giá và trách nhiệm của thành viên đoàn đánh giá a) Đoàn đánh giá gồm trưởng đoàn và thành viên khác. Số lượng thành viên tùy thuộc vào lĩnh vực đề nghị chỉ định và không ít hơn hai (02) người; Trưởng đoàn và thành viên khác phải có giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo chuyên gia đánh giá do Tổng cục tổ chức	Không quy định.	Điều 1 3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 14 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14 như sau “4. Nội dung đánh giá: đánh giá sự đáp ứng của tổ chức đề nghị với quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định quy định tại Điều 4 Nghị định số 105/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại các khoản 6, 7, 8, 9 và khoản 10 Điều 2 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.”	(sửa đổi khoản 2 và khoản 3) - Điều chỉnh nội dung đánh giá phù hợp với điều kiện hoạt động của tổ chức được chỉ định tại Nghị định số 105 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154 (khoản 4). - Điều chỉnh mẫu phiếu đánh giá kỹ thuật phù hợp với quy định hiện hành về điều kiện

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
thực hiện; b) Trưởng đoàn phải có ít nhất ba (3) năm kinh nghiệm quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Trưởng đoàn có trách nhiệm: Tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đoàn đánh giá; trực tiếp đánh giá về hệ thống quản lý; phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên; triệu tập và chủ trì các buổi họp của đoàn đánh giá; thông qua hồ sơ kết quả đánh giá trước khi trình Tổng cục; c) Thành viên khác phải có chuyên môn phù hợp và có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong lĩnh vực đo tương ứng. Thành viên khác có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung, kết quả thực hiện nhiệm vụ. 4. Nội dung đánh giá: Đánh giá sự phù hợp của tổ chức đề nghị với các điều kiện quy định tại Điều 3, Điều 11 của Thông tư này. 5. Phương pháp đánh giá a) Phòng vẫn trực tiếp người phụ trách, nhân viên của tổ chức đề nghị về những thông tin có liên quan; b) Xem xét hồ sơ lưu trữ, các tài liệu có liên quan; c) Quan sát thực tế điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật và nhân lực của tổ chức đề nghị chỉ định; d) Đánh giá sự thành thạo của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thông qua quan sát thao tác và xử lý kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do nhân viên đó thực hiện. 6. Trình tự đánh giá a) Trưởng đoàn tổ chức họp đoàn đánh giá, thông qua chương trình đánh giá (theo Mẫu 7.CTĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này), thống nhất kế hoạch		b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 Điều 14 như sau “b) Theo nhiệm vụ được phân công, các thành viên tiến hành đánh giá và lập phiếu đánh giá về kỹ thuật đo lường (theo Mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này), đánh giá và lập phiếu đánh giá về hệ thống quản lý (theo Mẫu 9.PĐGHTQL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN);” c) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 Điều 14 như sau “d) Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá, trưởng đoàn đánh giá phải nộp hồ sơ kết quả đánh giá về Ủy ban theo đường bưu điện và thư điện tử. Hồ sơ đánh giá tại cơ sở gồm: Chương trình đánh giá, phiếu đánh giá về kỹ thuật đo lường, phiếu đánh giá về hệ thống quản lý, biên bản tổng hợp kết quả	hoạt động (tương ứng yêu cầu đối với nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm), bổ sung địa điểm đánh giá. - Điều chỉnh giảm 10 ngày làm việc thời gian theo phương án thủ tục hành chính tại Quyết định 1526, bổ sung trách nhiệm số hóa hồ sơ đánh giá tại cơ sở (điểm d khoản 6) và giới hạn thời gian khắc phục của Thông tư trong 20 ngày làm việc (điểm d khoản 6), tránh kéo dài thời gian đánh giá quá lâu.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
thực hiện việc đánh giá theo tiến độ, nội dung đánh giá quy định trong quyết định thành lập đoàn đánh giá và thông báo cho các bên liên quan; b) Theo nhiệm vụ được phân công, các thành viên tiến hành đánh giá và lập phiếu đánh giá về kỹ thuật đo lường (theo Mẫu 8.PDGKTĐL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này), đánh giá và lập phiếu đánh giá về hệ thống quản lý (theo Mẫu 9.PDGHTQL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); c) Lập biên bản tổng hợp kết quả đánh giá (theo Mẫu 10.BBTHĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); d) Trong thời hạn ba mươi (30) hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định thành lập đoàn đánh giá, trưởng đoàn đánh giá phải nộp hồ sơ kết quả đánh giá về Tổng cục. Hồ sơ gồm: Chương trình đánh giá, phiếu đánh giá về kỹ thuật đo lường, phiếu đánh giá về hệ thống quản lý, biên bản tổng hợp kết quả đánh giá theo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 5 Điều này; đ) Trường hợp tổ chức đề nghị có những điểm không phù hợp nhưng có thể khắc phục được thì đoàn đánh giá liệt kê các điểm không phù hợp, đề xuất thời hạn khắc phục và thông báo kết quả đánh giá cho tổ chức đề nghị. Tổ chức đề nghị tiến hành khắc phục các điểm không phù hợp và gửi báo cáo cho đoàn đánh giá. Đoàn đánh giá tiến hành thẩm định báo cáo khắc phục, trường hợp cần thiết đoàn đánh giá tiến hành đánh giá lại tại cơ sở. Trong trường hợp này, thời hạn khắc phục và thời gian đánh giá lại được cộng thêm vào thời hạn đánh giá. 7. Chi phí và các điều kiện khác phục vụ việc đánh giá tại cơ sở của đoàn đánh giá do tổ chức đề nghị bảo đảm.		đánh giá theo quy định tại điểm a và c khoản 6 Điều 14 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN, điểm b khoản 6 Điều 14 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư này. Trưởng đoàn có trách nhiệm phối hợp với tổ chức đề nghị số hóa hồ sơ đánh giá tại cơ sở sang bản điện tử định dạng Portable Document (.pdf) và có chữ ký số của Trưởng đoàn hoặc tổ chức đề nghị;” d) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 6 Điều 14 như sau “đ) Trường hợp tổ chức đề nghị có những điểm không phù hợp nhưng có thể khắc phục được trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày đánh giá thì đoàn đánh giá liệt kê các điểm không phù hợp, đề xuất thời hạn khắc phục và thông báo kết quả đánh giá cho tổ chức đề nghị. Tổ chức đề nghị tiến hành khắc phục các điểm không phù hợp và gửi báo cáo cho đoàn đánh giá. Đoàn	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		đánh giá tiến hành thẩm định báo cáo khắc phục, trường hợp cần thiết đoàn đánh giá tiến hành đánh giá lại tại cơ sở. Trong trường hợp này, thời hạn khắc phục và thời gian đánh giá lại được cộng thêm vào thời hạn đánh giá.”	
Điều 15 Khoản 3: “3. Quyết định chỉ định được gửi tới tổ chức được chỉ định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức được chỉ định đăng ký trụ sở chính và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục.”		Điều 1 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 như sau “3. Quyết định chỉ định được gửi tới tổ chức được chỉ định, được gửi tới tổ chức được chỉ định, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức được chỉ định đăng ký trụ sở chính và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.”.	- Điều chỉnh gửi về các đơn vị liên quan - Quy định rõ việc cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2025.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
Điều 16. Lưu giữ hồ sơ chỉ định 1. Hồ sơ chỉ định được lưu giữ gồm: Bộ hồ sơ đề nghị chỉ định quy định tại Điều 12, hồ sơ đánh giá tại cơ sở quy định tại Điều 14 và quyết định chỉ định quy định tại Điều 15 của Thông tư này. 2. Một (01) bộ hồ sơ chỉ định được lưu giữ tại Ủy ban. 3. Tổ chức được chỉ định chịu trách nhiệm lập và lưu giữ một (01) bộ hồ sơ chỉ định tại trụ sở của tổ chức. 4. Thời hạn lưu giữ: Từ thời điểm quyết định chỉ định được ban hành đến hết năm (05) năm sau khi quyết định chỉ định này hết thời hạn hiệu lực hoặc bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ hiệu lực.		Khoản 1 Điều 2 bãi bỏ cụm từ “hoặc bị đình chỉ”	Đảm bảo sự tương ứng khi quy định đình chỉ bị bãi bỏ
Điều 17. Điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, chỉ định lại 1. Trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này đối với nội dung đề nghị điều chỉnh và gửi trực tiếp tại trụ sở Tổng cục hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục. 2. Trường hợp đề nghị chỉ định lại, không ít hơn ba (3) tháng trước khi hết thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định đã cấp, tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này gửi trực tiếp tại trụ sở Tổng cục hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục.	Không quy định.	Điều 1 5. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 17 như sau a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau “1. Trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, tùy thuộc nội dung đề nghị điều chỉnh, việc xử lý hồ sơ điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định được thực hiện như sau	- Phân tách các trường hợp điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định trong đó cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính khi đơn vị chỉ điều chỉnh tên, địa chỉ trụ sở chính (không đồng thời là địa điểm hoạt động) hoặc thay đổi địa giới hành

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
3. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Tổng cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày Tổng cục gửi thông báo, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung hồ sơ đầy đủ theo quy định, Tổng cục có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. 4. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tổng cục xem xét, quyết định kiểm tra trên hồ sơ hoặc đánh giá tại cơ sở. a) Trường hợp kiểm tra trên hồ sơ, trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục ra quyết định chỉ định lại hoặc quyết định chỉ định điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Thông tư này cho tổ chức được chỉ định; b) Trường hợp đánh giá tại cơ sở, việc xử lý hồ sơ, đánh giá tại cơ sở và ra quyết định chỉ định được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Thông tư này. 5. Quyết định chỉ định lại, quyết định chỉ định điều chỉnh được gửi tới tổ chức được chỉ định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức được chỉ định đăng ký trụ sở chính và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục. 6. Thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định lại là năm (5) năm kể từ ngày ký. Thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định điều chỉnh lấy theo thời hạn hiệu		a) Trường hợp đề nghị thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính (không đồng thời là địa điểm hoạt động) hoặc thay đổi địa giới hành chính của tổ chức được chỉ định Tổ chức được chỉ định lập một (01) bộ hồ sơ điều chỉnh và gửi về Ủy ban thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Bộ hồ sơ gồm: - Công văn đề nghị điều chỉnh (theo Mẫu số 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); - Bản sao có đóng dấu sao y của tổ chức được chỉ định, bản điện tử hoặc bản sao điện tử các tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh. Trong thời hạn bảy (07)	chính và bổ sung biểu mẫu của công văn đề nghị điều chỉnh (sửa đổi khoản 1 Điều 17). - Điều chỉnh lại thời gian phúc đáp tổ chức đề nghị chỉ định (từ 10 ngày làm việc còn 7 ngày làm việc) (sửa đổi khoản 3 Điều 17) (sửa đổi khoản 4 Điều 17) - Điều chỉnh nơi gửi phù hợp với cơ quan chuyên môn về khoa học công nghệ tại địa phương (sửa đổi khoản 5 Điều 17). - Quy định cụ thể cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
lực của quyết định chỉ định còn thời hạn hiệu lực đã cấp cho tổ chức được chỉ định. 7. Việc lưu giữ hồ sơ chỉ định điều chỉnh, chỉ định lại được áp dụng theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này.		ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban xem xét, ban hành quyết định điều chỉnh theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN đối với nội dung điều chỉnh. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày gửi thông báo của Ủy ban, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.” b) Trường hợp đề nghị điều chỉnh các nội dung liên quan đến điểm b (bao gồm trường hợp địa chỉ trụ sở chính đồng thời là địa điểm hoạt động) và điểm c Điều 15 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN Tổ chức được chỉ định	chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2025 (sửa đổi khoản 5 Điều 17).

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này đối với nội dung đề nghị điều chỉnh và gửi về Ủy ban thông qua một trong các cách thức sau: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.” b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau “2. Trường hợp đề nghị chỉ định lại, không ít hơn ba (03) tháng trước khi hết thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định đã cấp, tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông này và gửi về Ủy ban thông qua một trong các cách thức sau: Trực tiếp tại Bộ phận	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.” c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 17 như sau “3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Ủy ban thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày Ủy ban gửi thông báo, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung hồ sơ đầy đủ theo quy định, Ủy ban có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.” d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 17 như sau “5. Quyết định chỉ định lại, Quyết định chỉ định điều	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		chính được gửi tới tổ chức được chỉ định, được gửi tới tổ chức được chỉ định, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức được chỉ định đăng ký trụ sở chính và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.”.	
Điều 18. Đình chỉ hiệu lực của quyết định chỉ định 1. Đình chỉ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định chỉ định được áp dụng đối với các trường hợp sau đây: a) Tổ chức được chỉ định thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ngoài lĩnh vực được chỉ định hoặc không hoàn thành trách nhiệm quy định tại Thông tư này gây hậu quả nghiêm trọng; b) Tổ chức được chỉ định có văn bản đề nghị được tạm dừng thực hiện một phần hoặc toàn bộ lĩnh vực được chỉ định. 2. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tổng cục ra quyết định đình chỉ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định chỉ định đã cấp (sau đây gọi tắt là quyết định đình chỉ). Thời hạn đình chỉ không được quá sáu (06) tháng kể từ thời điểm có hiệu lực của quyết định đình chỉ. 3. Quyết định đình chỉ được gửi cho tổ chức bị đình chỉ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức bị đình chỉ đăng ký trụ sở chính và được đăng	Không quy định.	Khoản 1 Điều 2 bãi bỏ Điều 18	Chồng chéo về quy định đình chỉ với quy định của Luật xử phạt vi phạm hành chính 2012, Nghị định số 119/2017/NĐ- CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục. 4. Trong thời hạn bị đình chỉ, sau khi hoàn thành việc khắc phục hậu quả, tổ chức bị đình chỉ có quyền lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị hủy bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ gửi trực tiếp tại trụ sở Tổng cục hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục. Bộ hồ sơ gồm: Công văn đề nghị bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ, hồ sơ chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục hậu quả. 5. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Tổng cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức bị đình chỉ những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày Tổng cục gửi thông báo, nếu tổ chức bị đình chỉ không bổ sung hồ sơ đầy đủ theo quy định, Tổng cục có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. 6. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tổng cục quyết định kiểm tra trên hồ sơ hoặc kiểm tra tại cơ sở về nội dung đã khắc phục hậu quả. a) Trường hợp kiểm tra trên hồ sơ, trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục ra quyết định bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ (sau đây gọi tắt là quyết định bãi bỏ hiệu lực); b) Trường hợp kiểm tra tại cơ sở, trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc, Tổng cục hoàn tất việc kiểm tra tại cơ sở và ra quyết định bãi bỏ hiệu lực hoặc thông báo kết quả kiểm tra tại cơ sở không đạt yêu cầu quy định. 7. Quyết định bãi bỏ hiệu lực được gửi cho tổ chức			

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
được chỉ định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức được chỉ định đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục. 8. Việc lưu giữ quyết định đình chỉ, quyết định bãi bỏ hiệu lực và các hồ sơ liên quan được áp dụng theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này.			
Điều 19. Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chỉ định 1. Hủy bỏ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ của quyết định chỉ định được áp dụng đối với các trường hợp sau đây: a) Tổ chức được chỉ định bị phá sản, giải thể hoặc vi phạm pháp luật nghiêm trọng; b) Tổ chức bị đình chỉ không hoàn thành việc khắc phục hậu quả trong thời hạn bị đình chỉ ghi trong quyết định đình chỉ; c) Tổ chức được chỉ định có văn bản đề nghị không tiếp tục thực hiện lĩnh vực hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã được chỉ định. 2. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tổng cục ra quyết định hủy bỏ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định chỉ định đã cấp (gọi tắt là quyết định hủy bỏ hiệu lực). 3. Quyết định hủy bỏ hiệu lực được gửi cho tổ chức được chỉ định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức được chỉ định đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục.	Không quy định.	Khoản 1 Điều 2 bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 19 Điều 1 6. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 19 như sau a) Bổ sung điểm d khoản 1 Điều như sau “d) Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường hoặc quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đã cấp cho tổ chức kiểm định được chỉ định bị hủy bỏ hiệu lực; b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19 như sau “3. Quyết định hủy bỏ hiệu lực được gửi cho tổ chức được chỉ định, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi	- Bãi bỏ trường hợp hủy bỏ liên quan đến đình chỉ - Bổ sung trường hợp hủy bỏ hiệu lực quyết định chỉ định khi quyết định chứng nhận chuẩn đo lường hoặc quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên bị hủy bỏ hiệu lực (sửa đổi khoản 1). - Điều chỉnh gửi về các đơn vị liên quan bao gồm cơ quan chuyên môn tại địa phương (sửa đổi khoản 3) - Bổ sung quy định cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn,

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		tổ chức được chỉ định đăng ký trụ sở chính và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.”	đo lường, chất lượng được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2025 (sửa đổi khoản 3)
Điều 20. Yêu cầu đối với chuẩn đo lường để được chứng nhận 1. Chuẩn công tác của tổ chức kiểm định được chỉ định đáp ứng các yêu cầu sau đây được chứng nhận là chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2: a) Đã được hiệu chuẩn tại tổ chức hiệu chuẩn được chỉ định theo quy định (đã bãi bỏ theo Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN); giấy chứng nhận hiệu chuẩn phải còn thời hạn có giá trị; b) Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành; c) Được duy trì, bảo quản, sử dụng theo quy định tại Điều 21 của Thông tư này; d) Phù hợp với lĩnh vực được chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ định. 2. Chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 của tổ chức kiểm định được chỉ định đáp ứng các yêu cầu sau đây được chứng nhận là chuẩn đo lượng dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (sau đây gọi tắt là chuẩn đo lường): a) Đã được thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức thử	Không quy định.	Điều 2 khoản 1 “Bãi bỏ Điều 20;”	- Tránh chồng chéo với quy định về Thông tư số 24 được sửa đổi tại Thông tư này (quy định về chứng nhận chuẩn đo lượng, trách nhiệm của tổ chức được chỉ định, điều kiện hoạt động của tổ chức được chỉ định...) và yêu cầu tại thủ tục hành chính về chứng nhận chuẩn đo lường. - Tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện chứng nhận chuẩn đo lường

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
nghiệm được chỉ định theo quy định tại Thông tư này hoặc tại cơ quan quốc gia về chứng nhận chất chuẩn của nước ngoài hoặc tại phòng thí nghiệm đã liên kết chuẩn đo lường tới cơ quan quốc gia về chứng nhận chất chuẩn của nước ngoài; giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) phải còn thời hạn giá trị; b) Độ đồng nhất, độ ổn định và giá trị thuộc tính của chất chuẩn bảo đảm phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành; c) Được duy trì, bảo quản, sử dụng theo quy định tại Điều 21 của Thông tư này; d) Phù hợp với lĩnh vực được chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ định.			đồng thời trước hoặc trong quá trình đề nghị chỉ định,
Điều 22. Hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường Tổ chức kiểm định được chỉ định lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường gửi trực tiếp tại trụ sở Tổng cục Ủy ban hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục Ủy ban. Bộ hồ sơ gồm: 1. Đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường (theo Mẫu 11.ĐNCNCĐL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). 2. Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức kiểm định được chỉ định) giấy chứng nhận hiệu chuẩn của chuẩn công tác theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 20 hoặc giấy chứng nhận thử nghiệm hoặc so sánh của chất chuẩn theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 20 của Thông tư này. 3. Ảnh chụp của chuẩn đo lường bao gồm một (01) ảnh tổng thể và 01 ảnh nhãn mác. Ảnh màu cỡ (15 ×	1. Hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 gồm: a) Đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); b) Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị) giấy chứng nhận hiệu chuẩn còn thời hạn có giá trị của chuẩn công tác hoặc giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) còn thời hạn có giá trị của chất chuẩn. Chuẩn công tác, chất chuẩn phải đáp ứng các yêu cầu tại văn bản kỹ thuật đo lường	Điều 1 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau: “Điều 22. Hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường 1. Việc cấp quyết định chứng nhận chuẩn đo lường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 2. Tổ chức đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường (chứng nhận lần đầu và chứng nhận lại)	Sửa đổi Thông tư 07/2025/TT-BKHCN trong xác định thẩm quyền của Chủ tịch UBND trong giải quyết thủ tục hành chính được phân cấp, phân quyền tại địa phương và cách thức tiếp nhận hồ sơ. - Quy định việc thực hiện áp dụng cho chứng nhận

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
20) cm, phải bảo đảm sắc nét, rõ ràng (đối với trường hợp lần đầu tiên đề nghị chứng nhận). 4. Văn bản quy định về việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường do người đứng đầu tổ chức kiểm định được chỉ định ban hành.	Việt Nam tương ứng, phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận hoặc chỉ định; c) Ảnh chụp của chuẩn đo lường bao gồm 01 (một) ảnh tổng thể và 01 (một) ảnh nhãn mác. Ảnh màu cỡ (15 x 20) cm, phải bảo đảm sắc nét, rõ ràng (đối với trường hợp lần đầu tiên đề nghị chứng nhận). 2. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2: a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. b) Tổ chức đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị gửi bằng một trong các hình thức sau: - Dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Đăng ký trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	và gửi về cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tổ chức đề nghị đăng ký địa chỉ trụ sở chính) giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Bộ hồ sơ gồm: a) Đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường (theo Mẫu số 4 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). b) Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị hoặc bản sao điện tử giấy chứng nhận hiệu chuẩn còn thời hạn có giá trị của chuẩn công tác hoặc giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) còn thời hạn có giá trị của chất chuẩn. Chuẩn công tác, chất chuẩn phải đáp ứng các yêu cầu	lần đầu và chứng nhận lại, bổ sung quy định về dạng điện tử một số thành phần hồ sơ (Bản sao, ảnh chụp) - Thành phần hồ sơ cắt giảm “4. Văn bản quy định về việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường do người đứng đầu tổ chức kiểm định được chỉ định ban hành.” theo phương án cắt giảm thủ tục hành chính tại QĐ số 1526.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng, phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận hoặc chỉ định. c) Ảnh chụp của chuẩn đo lường bao gồm một (01) ảnh tổng thể và 01 ảnh nhãn mác. Ảnh màu cỡ (15 × 20) cm hoặc tệp ảnh đảm bảo in ảnh màu cỡ tương đương, phải bảo đảm sắc nét, rõ ràng rõ ràng thông tin của chuẩn đo lường (đối với trường hợp chuẩn đo lường lần đầu được đề nghị chứng nhận).”	
Điều 23. Xử lý hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường 1. Trường hợp hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường được gửi cùng hồ sơ đề nghị chỉ định, việc xử lý hồ sơ thực hiện cùng với hồ sơ đề nghị chỉ định theo thời hạn quy định tại Điều 13 của Thông tư này và theo yêu cầu, trình tự, thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường quy định tại Mục 2 Chương III của Thông tư này. 2. Trường hợp hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo	c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).	8. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau: “Điều 23. Xử lý hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường 1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ	- Sửa đổi xử lý hồ sơ theo phân cấp, phân quyền cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Phương án này đáp ứng thời gian xử lý hồ sơ phương án cắt giảm thủ tục hành

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
lường được gửi không cùng thời gian với hồ sơ đề nghị chỉ định, việc xử lý hồ sơ được thực hiện như sau: a) Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Tổng cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày Tổng cục gửi thông báo, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này; b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục ra quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (sau đây viết tắt là quyết định chứng nhận chuẩn đo lường) theo quy định tại Điều 24 của Thông tư này.	d) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông báo, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.	ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp quyết định chứng nhận chuẩn đo lường theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư này. 2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày gửi thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền hủy bỏ	chính tại QĐ số 1526. - Phù hợp Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi năm 2025. .

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		việc xử lý đối với hồ sơ này.”	
Điều 24. Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường 1. Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường bao gồm các nội dung chính sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kiểm định được chỉ định; b) Tên của chuẩn đo lường; c) Số sản xuất, năm sản xuất, hãng sản xuất, nước sản xuất của chuẩn đo lường; d) Kiểu, ký hiệu, đặc trưng kỹ thuật đo lường chính của chuẩn đo lường; đ) Lĩnh vực kiểm định; e) Thời hạn hiệu lực. 2. Thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường lấy theo thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định còn hiệu lực đã cấp cho tổ chức kiểm định được chỉ định. Trường hợp chuẩn đo lường được chứng nhận là chất chuẩn và thời hạn giá trị của giấy chứng nhận thử nghiệm hoặc so sánh chất chuẩn ít hơn thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định thì thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường đối với chất chuẩn là thời hạn giá trị của giấy chứng nhận đó. 3. Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường được gửi tới tổ chức kiểm định được chỉ định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức kiểm định được chỉ định đăng ký trụ sở chính và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục.	Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07	- Điều 1 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau “Điều 24. Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường 1. Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường có nội dung và hình thức theo Mẫu số 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường là năm (5) năm kể từ ngày ký ban hành. Thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường khi điều chỉnh nội dung theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Thông tư này lấy theo thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đã cấp cho tổ chức (ví dụ: quyết định được ký, đóng dấu ban hành ngày 11 tháng 02 năm 2024 thì quyết định điều chỉnh tương ứng có	- Sửa đổi theo nội dung đã quy định Thông tư 07/2025/TT-BKHCN; điều chỉnh lại biểu mẫu Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường đảm bảo tính linh hoạt trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền xuống đơn vị cấp dưới. - Xác định rõ cách tính thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn khi điều chỉnh nội dung. - Quy định cụ thể việc cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		hiệu lực đến hết ngày 11 tháng 02 năm 2029). 3. Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường được gửi tới tổ chức đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường, Ủy ban, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường đăng ký trụ sở chính và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.”	số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2025.
Điều 25. Lưu giữ hồ sơ chứng nhận chuẩn đo lường 1. Hồ sơ chứng nhận chuẩn đo lường được lưu giữ gồm: Bộ hồ sơ đề nghị chỉ định quy định tại Điều 22 và quyết định chứng nhận chuẩn đo lường quy định tại Điều 24 của Thông tư này. 2. Một (01) bộ hồ sơ chứng nhận chuẩn đo lường được lưu giữ tại Tổng cục. 3. Tổ chức kiểm định được chỉ định chịu trách nhiệm lập và lưu giữ một (01) bộ hồ sơ chứng nhận chuẩn đo lường tại trụ sở của tổ chức. 4. Hồ sơ chứng nhận chuẩn đo lường được lưu giữ cùng với hồ sơ chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ định với thời hạn lưu giữ quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Thông tư này.	Không quy định.	Điều 1 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau “Điều 25. Lưu giữ hồ sơ chứng nhận chuẩn đo lường 1. Hồ sơ chứng nhận chuẩn đo lường (hồ sơ bản giấy hoặc hồ sơ điện tử) được lưu giữ gồm: Bộ hồ sơ đề nghị chỉ định quy định tại Điều 22 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư này và quyết định chứng nhận chuẩn đo lường quy định tại Điều 24	- Bổ sung làm rõ hồ sơ bao gồm hồ sơ bản giấy hoặc hồ sơ điện tử để mở rộng việc lưu trữ cả hồ sơ điện tử. - Sửa đổi nơi lưu giữ hồ sơ theo phân cấp địa phương, đảm bảo tính linh hoạt và tương ứng cơ quan giải quyết thủ tục hành chính về chứng nhận

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư này. 2. Một (01) bộ hồ sơ chứng nhận chuẩn đo lường được lưu giữ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp quyết định chứng nhận chuẩn đo lường cho tổ chức đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường. 3. Tổ chức đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường chịu trách nhiệm lập và lưu giữ một (01) bộ hồ sơ chứng nhận chuẩn đo lường tại địa chỉ trụ sở chính của tổ chức. 4. Thời hạn lưu giữ hồ sơ chứng nhận chuẩn đo lường: 05 (năm) năm kể từ năm quyết định chứng nhận chuẩn đo lường hết thời hạn hiệu lực hoặc bị hủy bỏ hiệu lực.”	chuẩn.
Điều 26. Điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường 1. Khi có nhu cầu điều chỉnh điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường, tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh và gửi trực tiếp tại trụ sở Tổng cục hoặc qua đường bưu điện	II. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	Điều 1 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau: “Điều 26. Điều chỉnh nội dung của quyết định chứng	- Sửa đổi nội dung phân cấp, phân quyền và xử lý thủ tục hành chính đã quy định tại Thông tư số

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
đến Tổng cục. Bộ hồ sơ gồm: a) Công văn đề nghị điều chỉnh; b) Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức kiểm định được chỉ định) giấy chứng nhận hiệu chuẩn của chuẩn đo lường theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 20 của Thông tư này (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung tại điểm b, điểm c, điểm d Khoản 1 Điều 24 của Thông tư này); c) Ảnh chụp của chuẩn đo lường bao gồm một (01) ảnh tổng thể và một (01) ảnh nhãn mác; ảnh màu cỡ (15 × 20) cm, phải bảo đảm sắc nét, rõ ràng (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung tại điểm b, điểm c, điểm d Khoản 1 Điều 24 của Thông tư này); d) Tài liệu khác có liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh. 2. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Tổng cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày Tổng cục gửi thông báo, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. 3. Quyết định chứng nhận điều chỉnh được ban hành theo quy định tại Điều 24 của Thông tư này. 4. Rà soát, đánh giá lại sự phù hợp của tổ chức kiểm định được chỉ định với các điều kiện hoạt động quy định khi có sự điều chỉnh về đặc tính kỹ thuật đo lường chính của chuẩn đo lường; xử lý theo quy định tại Mục 1 Chương III của Thông tư này. 5. Quyết định điều chỉnh và các hồ sơ liên quan được	dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 gồm: a) Công văn đề nghị điều chỉnh; b) Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức kiểm định được chỉ định) còn thời hạn có giá trị của chuẩn công tác hoặc giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) còn thời hạn có giá trị của chất chuẩn (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung về tên của chuẩn đo lường; Số sản xuất, năm sản xuất, hãng sản xuất, nước sản xuất của chuẩn đo lường; Kiểu, ký hiệu, đặc trưng kỹ thuật đo lường chính của chuẩn đo lường). Chuẩn công tác, chất chuẩn phải đáp ứng các yêu cầu tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng, phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận hoặc chỉ định; c) Ảnh chụp của chuẩn đo lường bao gồm 01 (một) ảnh tổng thể và 01 (một) ảnh nhãn mác; ảnh màu	nhận chuẩn đo lường 1. Việc điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 2. Trường hợp đề nghị thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức đề nghị điều chỉnh chứng nhận chuẩn hoặc giảm một phần các chuẩn đo lường được chứng nhận a) Tổ chức đề nghị điều chỉnh chứng nhận chuẩn lập một (01) bộ hồ sơ điều chỉnh và gửi về gửi về cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tổ chức đề nghị đăng ký địa chỉ trụ sở chính) giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ	07/2025/TT-BKHCN thuộc Chủ tịch UBND, phù hợp Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi năm 2025. - Thực hiện theo thành phần và thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN, vượt yêu cầu đề ra tại Quyết định số 1526; bổ sung biểu mẫu công văn đề nghị điều chỉnh và quy định rõ thành phần hồ sơ cho trường hợp nộp trực tuyến (bản điện tử, tệp ảnh) để tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp. Lưu ý: Phương án cắt giảm tại Quyết định số 1526 hiện chỉ giảm thời gian

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
lưu giữ cùng với hồ sơ chỉ định đã cấp cho tổ chức kiểm định được chỉ định với thời hạn lưu giữ quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Thông tư này.	cỡ (15 x 20) cm, phải bảo đảm sắc nét, rõ ràng (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung về tên của chuẩn đo lường; Số sản xuất, năm sản xuất, hãng sản xuất, nước sản xuất của chuẩn đo lường; Kiểu, ký hiệu, đặc trưng kỹ thuật đo lường chính của chuẩn đo lường); d) Tài liệu khác liên quan đến nội dung điều chỉnh. 2. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2: a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. b) Tổ chức đề nghị điều chỉnh chứng nhận chuẩn đo lường lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị gửi bằng một trong các hình thức sau: - Dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Đăng ký trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia. c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp quyết định chứng	công quốc gia. Bộ hồ sơ gồm: - Công văn đề nghị điều chỉnh (theo Mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); - Bản sao có đóng dấu sao y của tổ chức đề nghị, bản điện tử hoặc bản sao điện tử các tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh (đối với trường hợp thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức). b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp quyết định chứng nhận chuẩn đo lường theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư này. c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời	xử lý từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc (TT số 07 giảm còn 07 ngày làm việc) - Phân tách các trường hợp điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định trong đó cắt giảm hơn nữa thời gian giải quyết thủ tục hành chính khi đơn vị chỉ điều chỉnh tên, địa chỉ trụ sở chính hoặc giảm số lượng chuẩn đo lường so với trường hợp điều chỉnh thông tin, bổ sung chuẩn đo lường (sửa đổi khoản 1 Điều 26). - Nêu rõ trách nhiệm rà soát của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia trường hợp có

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
	nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). d) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông báo, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.	hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày gửi thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. 3. Trường hợp đề nghị điều chỉnh thông tin (tên gọi, đặc tính kỹ thuật đo lường chính...) của chuẩn đo lường đã được chứng nhận a) Tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh và gửi về cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tổ chức đề nghị đăng ký địa chỉ trụ sở chính) giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục	điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		hành chính thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Bộ hồ sơ gồm: - Công văn đề nghị điều chỉnh (theo Mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); - Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị hoặc bản sao điện tử giấy chứng nhận hiệu chuẩn còn thời hạn có giá trị của chuẩn công tác hoặc giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) còn thời hạn có giá trị của chất chuẩn. Chuẩn công tác, chất chuẩn phải đáp ứng các yêu cầu tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng, phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận hoặc chỉ định; - Ảnh chụp (hoặc tệp ảnh chụp) của chuẩn đo lường bao gồm một (01) ảnh tổng thể và một (01) ảnh nhãn mác; ảnh màu phải bảo đảm sắc nét, rõ ràng thông tin của chuẩn đo lường. b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp quyết định chứng nhận chuẩn đo lường theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư này. c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký thông báo bằng văn bản gửi tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày gửi thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. 4. Quyết định điều chỉnh được gửi tới tổ chức đề nghị điều chỉnh, Ủy ban, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức đề nghị đăng ký trụ sở chính và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Quyết định điều chỉnh và các hồ sơ liên quan được lưu giữ theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư này. 5. Ủy ban rà soát, đánh giá lại sự đáp ứng của tổ chức kiểm định được chỉ định với quy định về điều kiện hoạt động khi có sự điều chỉnh về số lượng, đặc tính kỹ thuật đo lường chính của chuẩn đo lường; xử lý theo quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này.”	
Điều 27. Đình chỉ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường 1. Đình chỉ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường được áp dụng đối với các trường hợp sau đây: a) Tổ chức kiểm định được chỉ định bị đình chỉ lĩnh vực kiểm định đã chứng nhận cho chuẩn đo lường; b) Tổ chức kiểm định được chỉ định có văn bản đề nghị đình chỉ một phần hoặc toàn bộ quyết định chứng nhận chuẩn đo lường đã cấp và nêu rõ lý do đề nghị. 2. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tổng cục ra quyết định đình chỉ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định chứng nhận chuẩn đo lường đã cấp (sau đây gọi tắt là quyết định đình chỉ). Thời hạn đình chỉ không được quá sáu (06) tháng kể từ thời điểm có hiệu lực của quyết định đình chỉ. 3. Quyết định đình chỉ được gửi cho tổ chức bị đình chỉ	Không quy định.	Khoản 1 Điều 2 bãi bỏ Điều 27	- Sửa đổi theo nội dung đã quy định Thông tư 07/2025/TT-BKHCN - Đáp ứng phương án bãi bỏ TTHC này tại QĐ số 1526.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
chỉ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức bị đình chỉ đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục. 4. Tổng cục xem xét, đánh giá lại sự phù hợp của tổ chức kiểm định được chỉ định với các điều kiện hoạt động quy định khi quyết định chứng nhận chuẩn đo lường bị đình chỉ hiệu lực; xử lý theo quy định tại Mục 1 Chương III của Thông tư này. 5. Trong thời hạn bị đình chỉ, sau khi hoàn thành việc khắc phục hậu quả, tổ chức bị đình chỉ có quyền lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ gửi trực tiếp tại trụ sở Tổng cục hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục. Bộ hồ sơ gồm: Công văn đề nghị bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ và nêu rõ lý do đề nghị; hồ sơ, tài liệu có liên quan. 6. Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không đạt yêu cầu, Tổng cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức bị đình chỉ những nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Sau thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày Tổng cục gửi thông báo, nếu tổ chức bị đình chỉ không bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. 7. Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục ra quyết định bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ (sau đây gọi tắt là quyết định bãi bỏ hiệu lực). 8. Quyết định bãi bỏ được gửi cho tổ chức bị đình chỉ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức bị đình chỉ đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục.			

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
9. Quyết định đình chỉ, quyết định bãi bỏ và các hồ sơ liên quan được lưu giữ cùng với hồ sơ chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ định với thời hạn lưu giữ quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Thông tư này.			
Điều 28. Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường 1. Hủy bỏ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định chứng nhận chuẩn đo lường được áp dụng đối với các trường hợp sau đây: a) Quyết định chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ định bị hủy bỏ hiệu lực toàn bộ hoặc hủy bỏ hiệu lực đối với lĩnh vực kiểm định đã chứng nhận cho chuẩn đo lường; b) Quá thời hạn đình chỉ quy định tại Điều 27 của Thông tư này, tổ chức bị đình chỉ không có hồ sơ đề nghị bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ; c) Tổ chức kiểm định được chỉ định có văn bản đề nghị không tiếp tục sử dụng chuẩn đo lường đã được chứng nhận để thực hiện hoạt động kiểm định. 2. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tổng cục ra quyết định hủy bỏ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định chứng nhận chuẩn đo lường đã cấp (gọi tắt là quyết định hủy bỏ hiệu lực). 3. Quyết định hủy bỏ hiệu lực được gửi cho tổ chức kiểm định được chỉ định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức kiểm định được chỉ định đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục. 4. Tổng cục xem xét, đánh giá lại sự phù hợp của tổ chức kiểm định được chỉ định với các điều kiện hoạt động quy định khi quyết định chứng nhận chuẩn đo	III. Trình tự, thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường 1. Hủy bỏ hiệu lực quyết định chứng nhận chuẩn đo lường được áp dụng đối với các trường hợp sau đây: a) Quyết định chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ định bị hủy bỏ hiệu lực bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; b) Tổ chức kiểm định được chỉ định có văn bản đề nghị không tiếp tục sử dụng quyết định chứng nhận chuẩn đo lường đã được chứng nhận để thực hiện hoạt động kiểm định. 2. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định chứng nhận chuẩn đo lường: a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. b) Tổ chức đề nghị hủy bỏ hiệu lực quyết định chứng nhận chuẩn đo lường lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gửi bằng một trong các hình thức sau: - Dịch vụ bưu chính;	Điều 1. 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau: “Điều 28. Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường 1. Hủy bỏ hiệu lực toàn bộ quyết định chứng nhận chuẩn đo lường được áp dụng đối với các trường hợp sau đây: a) Quyết định chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ định bị hủy bỏ hiệu lực toàn bộ; b) Tổ chức kiểm định được chỉ định có văn bản đề nghị không tiếp tục sử dụng quyết định chứng nhận chuẩn đo lường đã được chứng nhận để thực hiện hoạt động kiểm định. 2. Xử lý hồ sơ hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường a) Việc hủy bỏ hiệu lực	- Sửa đổi nội dung phân cấp, phân quyền tại Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN, nêu rõ thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc Chủ tịch UBND cấp tỉnh phù hợp Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi năm 2025; nêu rõ cách thức tiếp nhận theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP, bổ sung việc xử lý với trường hợp quyết định chỉ định bị hủy bỏ hiệu lực, điều chỉnh mẫu quyết định hủy bỏ theo hướng linh hoạt phù hợp với cơ quan địa phương

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
lường bị hủy bỏ hiệu lực; xử lý theo quy định tại Mục 1 Chương III của Thông tư này.	- Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Đăng ký trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia. c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định hủy bỏ quyết định chứng nhận chuẩn đo lường.	của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. b) Tổ chức đề nghị hủy bỏ hiệu lực quyết định chứng nhận chuẩn đo lường lập 01 bộ hồ sơ đề nghị (bộ hồ sơ gồm Công văn đề nghị hủy bỏ) và gửi về cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tổ chức đề nghị đăng ký địa chỉ trụ sở chính) giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoặc quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ định, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy	giải quyết thủ tục hành chính. Phương án giải quyết đáp ứng phương án cắt giảm thủ tục hành chính (cắt giảm thời gian xử lý thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn) tại QĐ số 1526 - Điều chỉnh nơi gửi phù hợp với cơ quan chuyên môn về khoa học công nghệ tại địa phương và quy định cụ thể cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2025 (sửa đổi

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp quyết định hủy bỏ quyết định chứng nhận chuẩn đo lường (theo Mẫu số 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). 3. Quyết định hủy bỏ hiệu lực được gửi cho tổ chức đề nghị, Ủy ban, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức đề nghị đăng ký trụ sở chính và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. 4. Ủy ban rà soát, đánh giá lại sự đáp ứng của tổ chức kiểm định được chỉ định với quy định về điều kiện hoạt động khi quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên bị hủy bỏ; xử lý theo quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này.”	khoản 3 Điều 28). .
Điều 29. Yêu cầu đối với nhân viên kiểm định để	Không quy định.	Khoản 1 Điều 2 Bãi bỏ Điều 29	Tránh chồng chéo

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường Nhân viên kiểm định của tổ chức kiểm định được chỉ định đáp ứng các yêu cầu sau đây được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường: 1. Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên. 2. Hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định do Tổng cục tổ chức thực hiện tương ứng với lĩnh vực được chỉ định. 3. Có ít nhất mười hai (12) tháng kinh nghiệm hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng với lĩnh vực được chỉ định. (đã bãi bỏ tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN)			yêu cầu đối với kiểm định viên (đã được quy định tại điều kiện hoạt động của tổ chức được chỉ định tại Nghị định số 105/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.
Điều 30. Hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường Tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (gọi tắt là hồ sơ nhân viên kiểm định) gửi trực tiếp tại trụ sở Tổng cục hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục. Bộ hồ sơ gồm: 1. Đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (theo Mẫu 12.ĐNCNKĐVĐL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). 2. Sơ yếu lý lịch (theo Mẫu 13.SYLL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) của từng nhân viên kiểm định. 3. Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức kiểm định được chỉ định) bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên của nhân viên kiểm định (đối với trường hợp lần đầu tiên đề nghị chứng nhận, cấp thẻ). 4. Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức	IV. Trình tự, thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường 1. Hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường gồm: a) Đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); b) Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị) giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (nay là Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) tổ chức thực hiện tương ứng với lĩnh vực kiểm định; c) Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị) bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc tương	Điều 1 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau: “Điều 30. Hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường 1. Việc cấp quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (sau đây viết tắt là kiểm định viên) thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 2. Tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên (chứng nhận lần đầu và chứng nhận lại) và gửi về cơ quan	- Sửa đổi nội dung phân cấp, phân quyền tại Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN, nêu rõ thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc Chủ tịch UBND cấp tỉnh phù hợp Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi năm 2025, nêu rõ cách thức tiếp nhận theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP, nêu rõ cách thức tiếp nhận theo

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
kiểm định được chỉ định) giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 của Thông tư này. 5. Hai (02) ảnh màu cỡ (2 × 3) cm, chụp trên nền trắng (đối với trường hợp lần đầu tiên đề nghị chứng nhận, cấp thẻ).	đương trở lên của nhân viên kiểm định đối với trường hợp lần đầu tiên đề nghị chứng nhận, cấp thẻ; d) 02 (hai) ảnh màu cỡ (2 x 3) cm, chụp trên nền trắng (đối với trường hợp lần đầu tiên đề nghị chứng nhận, cấp thẻ).	được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tổ chức đề nghị đăng ký địa chỉ trụ sở chính) giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Bộ hồ sơ gồm: a) Đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên (theo Mẫu số 8 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); b) Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị hoặc bản sao điện tử giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (nay là Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) tổ chức thực hiện tương ứng với lĩnh vực kiểm	Nghị định 118/2025/NĐ-CP, điều chỉnh mẫu quyết định hủy bỏ theo hướng linh hoạt phù hợp với cơ quan địa phương giải quyết thủ tục hành chính. - Quy định rõ việc xử lý áp dụng cho chứng nhận lần đầu và chứng nhận lại, thành phần hồ sơ cất giữ (bỏ Sơ yếu lý lịch) đáp ứng phương án bãi bỏ TTHC này tại QĐ số 1526 và nêu rõ cho thành phần hồ sơ (bản điện tử, file ảnh) cho trường hợp nộp trực tuyến để tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		định; c) Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị hoặc bản sao điện tử bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên của nhân viên kiểm định (đối với trường hợp lần đầu tiên cá nhân được đề nghị chứng nhận, cấp thẻ; d) Hai (02) ảnh màu cỡ (2 x 3) cm hoặc tệp ảnh đảm bảo in ảnh màu cỡ tương đương, ảnh rõ nét và chụp nền trắng (đối với trường hợp lần đầu tiên cá nhân được đề nghị chứng nhận, cấp thẻ).”	
Điều 31. Xử lý hồ sơ nhân viên kiểm định 1. Trường hợp hồ sơ nhân viên kiểm định được gửi cùng với hồ sơ đề nghị chỉ định, việc xử lý hồ sơ được thực hiện cùng với hồ sơ đề nghị chỉ định theo thời hạn quy định tại Điều 13 của Thông tư này và theo yêu cầu, trình tự, thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường quy định tại Mục 3 Chương III của Thông tư này. 2. Trường hợp hồ sơ nhân viên kiểm định nhận được không cùng thời gian với hồ sơ đề nghị chỉ định, việc xử lý hồ sơ được thực hiện như sau: a) Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Tổng cục	2. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường: a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. b) Tổ chức đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị gửi bằng một trong các hình thức sau: - Dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Đăng ký trực tuyến qua Cổng	Điều 1. 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau “Điều 31. Xử lý hồ sơ chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên 1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao xử	- Sửa đổi xử lý thủ tục hành chính theo phân cấp, phân quyền cho Chủ tịch UBND, phù hợp Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi năm 2025; - Cắt giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính theo nội dung đã quy định

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày Tổng cục gửi thông báo, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này; b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục ra quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường theo quy định tại Điều 32, Điều 34 của Thông tư này.	Dịch vụ công Quốc gia. c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (theo Mẫu số 04 và Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). d) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông báo, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.	lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên theo quy định tại Điều 32, Điều 34 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tương ứng tại khoản 15 và khoản 17 Điều 1 Thông tư này. 2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày gửi thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này..”	Thông tư 07/2025/TT-BKHCN, phù hợp phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC tại Quyết định số 1526.
Điều 32. Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định	Mẫu số 04	Điều 1	- Sửa đổi theo nội

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
viên đo lường 1. Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường có các nội dung chính sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kiểm định được chỉ định; b) Họ tên, năm sinh của kiểm định viên đo lường; c) Số hiệu của kiểm định viên; d) Lĩnh vực kiểm định; đ) Thời hạn hiệu lực. 2. Thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường lấy theo thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định còn hiệu lực đã cấp cho tổ chức kiểm định được chỉ định. 3. Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường được gửi tới tổ chức kiểm định được chỉ định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức kiểm định được chỉ định đăng ký trụ sở chính và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục.		15. Sửa đổi Điều 32 như sau “Điều 32. Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên 1. Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên có nội dung và hình thức theo Mẫu số 9 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Số hiệu kiểm định viên a) Mỗi kiểm định viên chỉ được cấp một (01) số hiệu tương ứng với tổ chức đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên; b) Số hiệu kiểm định viên có cấu trúc như sau AAAA-BB Trong đó: - AAAA: số thứ tự lũy tiến của số hiệu kiểm định viên. - BB: mã số đơn vị hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 19/2025/QĐ-	dung đã quy định Thông tư 07/2025/TT-BKHCN, có chỉnh sửa mẫu quyết định, mẫu thẻ theo hướng linh hoạt phù hợp với cơ quan địa phương giải quyết thủ tục hành chính. - Xác định rõ mỗi tổ chức đề nghị được cấp 01 Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên để thống nhất trong cả nước. - Quy định cụ thể cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		TTg ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam. 3. Thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên là năm (05) năm kể từ ngày ký ban hành. Thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên khi điều chỉnh nội dung theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Thông tư này giữ nguyên theo thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đã cấp cho tổ chức (ví dụ: quyết định đã cấp được ký, đóng dấu ban hành ngày 15 tháng 3 năm 2024 thì quyết định điều chỉnh tương ứng có hiệu lực đến hết ngày 15 tháng 3 năm 2029). 4. Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên được gửi tới tổ chức đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên, Ủy ban, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Chi cục Tiêu	năm 2025.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đăng ký trụ sở chính và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.”	
Điều 33. Lưu giữ hồ sơ chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường 1. Hồ sơ chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường được lưu giữ gồm: Bộ hồ sơ nhân viên kiểm định quy định tại Điều 30 và quyết định chứng nhận, cấp kiểm định viên đo lường quy định tại Điều 32 của Thông tư này. 2. Một (01) bộ hồ sơ chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường được lưu giữ tại Tổng cục. 3. Tổ chức kiểm định được chỉ định chịu trách nhiệm lập và lưu giữ một (01) bộ hồ sơ chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường tại trụ sở của tổ chức. 4. Hồ sơ chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường được lưu giữ cùng với hồ sơ chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ định với thời hạn lưu giữ quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Thông tư này.	Không quy định	Điều 1 16. Sửa đổi Điều 33 như sau “Điều 33. Lưu giữ hồ sơ chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên 1. Hồ sơ chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên (hồ sơ bản giấy hoặc hồ sơ điện tử) được lưu giữ gồm: bộ hồ sơ chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên quy định tại Điều 30 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Thông tư này và quyết định chứng nhận, cấp kiểm định viên đo lường quy định tại Điều 32 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Thông tư này. 2. Một (01) bộ hồ sơ	- Bổ sung làm rõ hồ sơ bao gồm hồ sơ bản giấy hoặc hồ sơ điện tử để mở rộng việc lưu trữ cả hồ sơ điện tử (sửa đổi khoản 1 Điều 33). - Sửa đổi nơi lưu giữ hồ sơ theo phân cấp địa phương, đảm bảo tính linh hoạt và tương ứng cơ quan giải quyết thủ tục hành chính về chứng nhận chuẩn (sửa đổi khoản 2 Điều 33) - Điều chỉnh lại đối tượng lưu hồ sơ tương ứng với thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên được lưu giữ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên cho tổ chức đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường. 3. Tổ chức đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên chịu trách nhiệm lập và lưu giữ một (01) bộ hồ sơ chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên tại trụ sở của tổ chức. 4. Thời hạn lưu giữ hồ sơ chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên: 05 (năm) năm kể từ năm quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên hết thời hạn hiệu lực hoặc bị hủy bỏ hiệu lực.”	định viên (sửa đổi khoản 3 Điều 33) và thời gian lưu giữ hồ sơ tương ứng (khoản 4 Điều 33)
Điều 34. Thẻ kiểm định viên đo lường 1. Thẻ kiểm định viên đo lường (sau đây viết tắt là thẻ) do Tổng cục cấp cho từng kiểm định viên đo lường. 2. Mỗi kiểm định viên đo lường chỉ được cấp một (01) thẻ. 3. Thẻ không còn giá trị hiệu lực khi quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường bị đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực. 4. Nội dung và hình thức của thẻ kiểm định viên đo	Mẫu 05	Điều 1 17. Sửa đổi Điều 34 như sau “Điều 34. Thẻ kiểm định viên đo lường 1. Thẻ kiểm định viên đo lường (sau đây viết gọn là thẻ) được cấp cho từng kiểm định viên đo lường.	- Điều chỉnh lại giá trị hiệu lực của thẻ kiểm định viên đo lường (quy định về đình chỉ kiểm định viên đã bị bãi bỏ theo phương án cắt giảm tại Quyết

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
lường theo Mẫu 14.TKĐVĐL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.		2. Mỗi kiểm định viên chỉ được cấp một (01) thẻ. 3. Thẻ không còn giá trị hiệu lực khi quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên hết hiệu lực hoặc bị hủy bỏ hiệu lực. 4. Nội dung và hình thức của thẻ theo quy định tại Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Nội dung và hình thức thẻ được điều chỉnh phù hợp tương ứng với cơ quan nhà nước và lãnh đạo cơ quan nhà nước cấp quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên.”	định 1526) (sửa đổi khoản 3) - Sửa đổi quy định theo Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN (sửa đổi khoản 4) - Sửa đổi mẫu thẻ Kiểm định viên đo lường tại Mẫu số 10 kế thừa quy định tại Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN và nội dung tại Mẫu 14.TKĐVĐL Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN, đảm bảo tính linh hoạt phù hợp cơ quan địa phương cấp quyết định
Điều 35. Điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, cấp lại thẻ 1. Khi có nhu cầu điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh gửi trực tiếp tại trụ sở Tổng cục hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục. Bộ hồ sơ gồm:	V. Trình tự, thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường, 1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo	Điều 1 18. Sửa đổi Điều 35 như sau: “Điều 35. Điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên 1. Việc điều chỉnh nội	- Sửa đổi theo nội dung đã quy định Thông tư 07/2025/TT-BKHCN Lưu ý: Phương án cắt giảm tại Quyết

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
a) Công văn đề nghị điều chỉnh; b) Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức kiểm định được chỉ định) giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định đối với lĩnh vực kiểm định đề nghị bổ sung đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều 29 của Thông tư này (đối với trường hợp đề nghị bổ sung lĩnh vực kiểm định cho kiểm định viên đo lường); b) Tài liệu khác có liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh. 2. Trường hợp đề nghị cấp lại thẻ do mất thẻ, thẻ bị rách, nát, hư hỏng, tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ gửi trực tiếp tại trụ sở Tổng cục hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục. Bộ hồ sơ gồm: a) Công văn đề nghị cấp lại thẻ; b) Hai (02) ảnh màu cỡ ảnh (2 × 3) cm, chụp trên nền trắng. 3. Việc xử lý hồ sơ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Thông tư này. 4. Việc ban hành quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường hoặc cấp lại thẻ được thực hiện theo quy định tương ứng tại Điều 32, Điều 34 của Thông tư này. 5. Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường và các hồ sơ liên quan được lưu giữ cùng với hồ sơ chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ định với thời hạn lưu giữ quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Thông tư này.	lường, gồm: 1.1. Đối với trường hợp điều chỉnh nội dung trên quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đã cấp hoặc chứng nhận bổ sung lĩnh vực cho kiểm định viên): a) Công văn đề nghị điều chỉnh; b) Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị) giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (nay là Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) tổ chức thực hiện tương ứng với lĩnh vực được chỉ định; c) Tài liệu khác liên quan đến nội dung điều chỉnh. 1.2. Đối với trường hợp cấp lại thẻ: a) Công văn đề nghị cấp lại thẻ; b) 02 (hai) ảnh màu cỡ (2 x 3) cm, chụp trên nền trắng (đối với trường hợp cấp lại thẻ); 2. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường: a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. b) Tổ chức đề nghị điều chỉnh quyết định chứng nhận, cấp thẻ,	dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 2. Trường hợp thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức đề nghị điều chỉnh chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên hoặc điều chỉnh giảm một phần lĩnh vực kiểm định nhưng không thay đổi số lượng kiểm định viên được chứng nhận, cấp thẻ a) Tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ điều chỉnh và gửi về cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tổ chức đề nghị đăng ký địa chỉ trụ sở chính) giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.	định số 1526 hiện cắt giảm thành phần hồ sơ “Tài liệu khác liên quan đến nội dung điều chỉnh.” - Phù hợp Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi năm 2025.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
	cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường, lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị gửi bằng một trong các hình thức sau: - Dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Đăng ký trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia. c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (theo Mẫu số 04 và Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). d) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông báo, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ	Bộ hồ sơ gồm: - Công văn đề nghị điều chỉnh (theo Mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); - Bản sao có đóng dấu sao y của tổ chức đề nghị, bản điện tử hoặc bản sao điện tử các tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh. b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Thông tư này. c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
	này.	ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày gửi thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. 3. Trường hợp đề nghị bổ sung lĩnh vực kiểm định cho kiểm định viên đã được chứng nhận, cấp thẻ; a) Tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh và gửi về cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tổ chức đề nghị đăng ký địa chỉ trụ sở chính) giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Bộ hồ sơ gồm: - Công văn đề nghị điều chỉnh (theo Mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); - Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị hoặc bản sao điện tử giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (nay là Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) tổ chức thực hiện tương ứng với lĩnh vực bổ sung; b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp quyết định chứng nhận,	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		cấp thẻ kiểm định viên đo lường theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Thông tư này. c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày gửi thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. 4. Đối với trường hợp cấp lại thẻ: a) Tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh và gửi về Ủy ban nhân	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		dân cấp tỉnh thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Bộ hồ sơ gồm: - Công văn đề nghị cấp lại thẻ (theo Mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); - Hai (02) ảnh màu cỡ (2 x 3) cm hoặc tệp ảnh đảm bảo in ảnh màu cỡ tương đương, ảnh rõ nét và chụp nền trắng. b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường theo	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		quy định tại Điều 32 và Điều 34 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tương ứng tại khoản 15 và khoản 17 Điều 1 Thông tư này. c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh. Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày gửi thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nếu tổ chức đề nghị không bổ sung đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. 5. Quyết định điều chỉnh được gửi tới tổ chức đề nghị điều chỉnh, Ủy ban, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		lượng nơi tổ chức đề nghị đăng ký trụ sở chính và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Quyết định điều chỉnh và các hồ sơ liên quan được lưu giữ theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Thông tư này. 6. Ủy ban rà soát, đánh giá lại sự đáp ứng của tổ chức kiểm định được chỉ định với quy định về điều kiện hoạt động khi có sự điều chỉnh về lĩnh vực kiểm định của kiểm định viên; xử lý theo quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này.”	
Điều 36. Đình chỉ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường 1. Đình chỉ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường được áp dụng đối với các trường hợp sau đây: a) Tổ chức kiểm định được chỉ định bị đình chỉ lĩnh vực kiểm định đã chứng nhận, cấp thẻ cho kiểm định viên đo lường; b) Kiểm định viên đo lường không hoàn thành trách nhiệm theo quy định gây hậu quả nghiêm trọng trong	Không quy định	Khoản 1 Điều 2 Bãi bỏ Điều 36	- Sửa đổi theo nội dung đã quy định Thông tư 07/2025/TT-BKHCN - Đáp ứng phương án bãi bỏ TTHC này tại QĐ số 1526.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
các trường hợp sau đây: - Không thực hiện kiểm định mà cấp chứng chỉ kiểm định cho phương tiện đo; - Không tuân thủ quy trình kiểm định quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành; - Sử dụng chứng chỉ kiểm định không đúng quy định; - Kiểm định phương tiện đo chưa được phê duyệt mẫu theo quy định hoặc không đúng mẫu đã được phê duyệt; - Kiểm định phương tiện đo khi quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường đã hết hiệu lực. 2. Tùy từng trường hợp cụ thể, Ủy ban ra quyết định đình chỉ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường đã cấp (sau đây gọi tắt là quyết định đình chỉ). Thời hạn đình chỉ không được quá sáu (06) tháng kể từ thời điểm có hiệu lực của quyết định đình chỉ. 3. Quyết định đình chỉ được gửi cho tổ chức kiểm định được chỉ định có kiểm định viên đo lường bị đình chỉ (gọi tắt là tổ chức bị đình chỉ), Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức bị đình chỉ đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban. 4. Ủy ban xem xét, đánh giá lại sự phù hợp của tổ chức kiểm định được chỉ định với các điều kiện hoạt động quy định khi quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường bị đình chỉ hiệu lực; xử lý theo quy định tại Mục 1 Chương III của Thông tư này. 5. Trong thời hạn bị đình chỉ, sau khi hoàn thành việc khắc phục hậu quả, tổ chức bị đình chỉ có quyền lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị bãi bỏ hiệu lực của quyết			

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
định đình chỉ gửi trực tiếp tại trụ sở Ủy ban hoặc qua đường bưu điện đến Ủy ban. Bộ hồ sơ gồm: Công văn đề nghị bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ và nêu rõ lý do đề nghị, hồ sơ, tài liệu có liên quan. 6. Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không đạt yêu cầu, Ủy ban thông báo bằng văn bản cho tổ chức bị đình chỉ những nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Sau thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày Ủy ban gửi thông báo, nếu tổ chức bị đình chỉ không bổ sung đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. 7. Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban ra quyết định bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ (sau đây gọi tắt là quyết định bãi bỏ hiệu lực). 8. Quyết định bãi bỏ được gửi cho tổ chức bị đình chỉ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức bị đình chỉ đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban. 9. Quyết định đình chỉ, quyết định bãi bỏ hiệu lực và các hồ sơ liên quan được lưu giữ cùng với hồ sơ chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ định với thời hạn lưu giữ quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Thông tư này.			
Điều 37. Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường 1. Hủy bỏ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường được áp dụng đối với các trường hợp sau đây: a) Quyết định chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ	VI. Trình tự, thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường 1. Hủy bỏ hiệu lực quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường được áp dụng đối	19. Sửa đổi Điều 37 như sau: “Điều 37. Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên	- Phân tích rõ các trường hợp hủy bỏ so với quy định hiện hành tại Thông tư số 24 và Thông tư số 07

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
định bị hủy bỏ hiệu lực toàn bộ hoặc bị hủy bỏ hiệu lực đối với lĩnh vực kiểm định đã chứng nhận, cấp thẻ cho kiểm định viên đo lường; b) Quá thời hạn đình chỉ quy định tại Điều 36 của Thông tư này, tổ chức bị đình chỉ không có hồ sơ đề nghị bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ; c) Tổ chức kiểm định được chỉ định có văn bản đề nghị hủy bỏ hiệu lực do kiểm định viên đo lường hiện không còn tham gia hoạt động kiểm định. 2. Tùy từng trường hợp cụ thể, Ủy ban ra quyết định hủy bỏ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường đã cấp (gọi tắt là quyết định hủy bỏ hiệu lực) và thu hồi thẻ đã cấp. 3. Quyết định hủy bỏ hiệu lực được gửi cho tổ chức kiểm định được chỉ định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức kiểm định được chỉ định đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban. 4. Ủy ban xem xét, đánh giá lại sự phù hợp của tổ chức kiểm định được chỉ định với các điều kiện hoạt động quy định khi quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường bị hủy bỏ hiệu lực; xử lý theo quy định tại Mục 1 Chương III của Thông tư này.	với các trường hợp sau đây: a) Quyết định chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ định bị hủy bỏ hiệu lực bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; b) Tổ chức kiểm định được chỉ định có văn bản đề nghị hủy bỏ hiệu lực quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường do không còn tham gia hoạt động kiểm định. 2. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (đối với trường hợp tổ chức kiểm định được chỉ định có văn bản đề nghị): a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. b) Tổ chức đề nghị hủy bỏ hiệu lực quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị gửi bằng một trong các hình thức sau: - Dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Đăng ký trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia. c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ,	1. Hủy bỏ hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên được áp dụng đối với các trường hợp sau đây: a) Quyết định chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ định bị hủy bỏ hiệu lực toàn bộ hoặc bị hủy bỏ hiệu lực đối với lĩnh vực kiểm định đã chứng nhận, cấp thẻ cho kiểm định viên; b) Tổ chức kiểm định được chỉ định có văn bản đề nghị hủy bỏ hiệu lực quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên do một số hoặc toàn bộ kiểm định viên không còn tham gia hoạt động kiểm định. 2. Xử lý hồ sơ hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên a) Việc hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. b) Tổ chức đề nghị hủy	(khoản 1) - Sửa đổi nội dung phân cấp, phân quyền tại Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN, nêu rõ thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc Chủ tịch UBND cấp tỉnh phù hợp Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi năm 2025, nêu rõ cách thức tiếp nhận theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP, điều chỉnh mẫu quyết định theo hướng linh hoạt phù hợp với cơ quan địa phương giải quyết thủ tục hành chính (khoản 2); hướng dẫn cụ thể những quyết định cơ quan có thẩm quyền tại địa phương cần ký để đảm bảo bỏ các

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định hủy bỏ quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.	bỏ hiệu lực quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên lập 01 bộ hồ sơ đề nghị (bộ hồ sơ gồm công văn đề nghị hủy bỏ) và gửi về cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tổ chức đề nghị đăng ký địa chỉ trụ sở chính) giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoặc quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định chỉ định của tổ chức kiểm định được chỉ định, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao xử lý hồ sơ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp một hoặc nhiều quyết định sau:	kiểm định viên được hủy bỏ danh sách được chứng nhận, cấp thẻ (quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên) (điểm c khoản 2) - Điều chỉnh nơi gửi phù hợp với cơ quan chuyên môn về khoa học công nghệ tại địa phương (khoản 3)

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		- Quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); - Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên (theo Mẫu số 9 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; chỉ áp dụng với trường hợp hủy bỏ hiệu lực một phần). Thời hạn của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Thông tư này giữ nguyên theo thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đã cấp. 3. Quyết định hủy bỏ hiệu lực và quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Thông tư này được gửi cho tổ chức đề nghị, Ủy ban, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Chi cục	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức đề nghị đăng ký trụ sở chính và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. 4. Ủy ban rà soát, đánh giá lại sự đáp ứng của tổ chức kiểm định được chỉ định với quy định về điều kiện hoạt động khi quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên bị hủy bỏ; xử lý theo quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN.”	
Điều 38. Dấu kiểm định 1. Dấu kiểm định được đóng, kẹp, in, ghi khắc, sơn trực tiếp trên phương tiện đo đạt yêu cầu quy định của quy trình kiểm định tương ứng và ở vị trí thích hợp. 2. Dấu kiểm định gồm 2 kiểu có nội dung và hình thức theo Mẫu 15.DKĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. 3. Dấu kiểm định kiểu 1 được sử dụng trong các trường hợp sau: a) Sử dụng độc lập cho loại phương tiện đo, chuẩn đo lường không có quy định về thời hạn phải kiểm định lại theo chu kỳ; b) Sử dụng đồng thời với tem kiểm định và/hoặc giấy chứng nhận kiểm định đối với loại phương tiện đo, chuẩn đo lường có quy định về thời hạn phải kiểm định	Không quy định.	Điều 1 20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 38 như sau “2. Dấu kiểm định gồm 2 kiểu quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 38 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN a) Dấu kiểm định trên phương tiện đo nhóm 2 có nội dung và hình thức theo Mẫu 15.DKĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa	Làm rõ quy định về trường hợp dấu kiểm định cho phương tiện đo nhóm 2 (khoản 2,3,4) và trường hợp dấu kiểm định cho phương tiện đo nhóm 1. Dấu kiểm định phương tiện đo nhóm 1 thể hiện số đăng ký (ĐK...) được cấp để phân biệt với

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
lại theo chu kỳ. 4. Dấu kiểm định kiểu 2 được sử dụng độc lập để thực hiện đồng thời hai chức năng niêm phong và thông báo hết hiệu lực kiểm định đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường có quy định về thời hạn phải kiểm định lại theo chu kỳ mà không cần phải sử dụng kèm theo với tem kiểm định và/hoặc giấy chứng nhận kiểm định.		đổi, bổ sung tại điểm b khoản 29 Điều 1 Thông tư này. b) Dấu kiểm định trên phương tiện đo nhóm 1 do tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tự quy định nội dung, hình thức, in ấn, chế tạo, quản lý và sử dụng nhưng phải thể hiện số đăng ký (ĐK ...) được cấp.”	Dấu kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
Điều 39. Tem kiểm định, tem hiệu chuẩn 1. Tem kiểm định a) Tem kiểm định có nội dung và hình thức tương ứng theo Mẫu 16.TKĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; b) Tem kiểm định được dán trực tiếp trên phương tiện đo đạt yêu cầu quy định của quy trình kiểm định tương ứng và ở vị trí thích hợp; c) Tem kiểm định được sử dụng kết hợp với dấu kiểm định và/hoặc giấy chứng nhận kiểm định để thông báo có giá trị của việc kiểm định đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường có quy định về thời hạn phải kiểm định lại theo chu kỳ; d) Trường hợp phương tiện đo, chuẩn đo lường không đủ chỗ hoặc không thể dán tem kiểm định thì được phép sử dụng giấy chứng nhận kiểm định để thông báo thời hạn có giá trị của việc kiểm định đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường đó. 2. Tem hiệu chuẩn a) Tem hiệu chuẩn có nội dung và hình thức theo Mẫu	Không quy định.	21. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 39 như sau a) Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 39 như sau “a) Tem kiểm định trên phương tiện đo nhóm 2 có nội dung và hình thức tương ứng theo Mẫu 16.TKĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN. Tem kiểm định trên phương tiện đo nhóm 1 do tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tự quy định nội dung, hình thức, in ấn, chế tạo, quản lý và sử dụng nhưng phải thể hiện số đăng ký (ĐK ...) được cấp và số seri của tem.”	Xác định rõ: Quy định tại Thông tư với chỉ bắt buộc nội dung và hình thức của tem kiểm định, tem hiệu chuẩn cho phương tiện đo nhóm 2 và chuẩn đo lường. Các trường hợp khác tổ chức cung cấp dịch vụ chỉ cần thể hiện số seri và số đăng ký (ĐK...) được cấp để phân biệt với tem kiểm định, tem hiệu chuẩn phương tiện đo

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
17. THC tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; b) Tem hiệu chuẩn được dán trực tiếp trên phương tiện đo, chuẩn đo lường hoặc ở vị trí thích hợp; c) Tem hiệu chuẩn được sử dụng kết hợp với giấy chứng nhận hiệu chuẩn để thông báo thời hạn có giá trị của việc hiệu chuẩn đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường; d) Trường hợp phương tiện đo, chuẩn đo lường không đủ chỗ hoặc không thể dán tem hiệu chuẩn thì được phép sử dụng giấy chứng nhận hiệu chuẩn để thông báo thời hạn có giá trị của việc hiệu chuẩn đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường đó.		b) Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 39 như sau “a) Tem hiệu chuẩn trên chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 có nội dung và hình thức tương ứng theo Mẫu 17. THC tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 29 Điều 1 Thông tư này. Tem hiệu chuẩn trên phương tiện đo nhóm 1 và chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 do tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tự quy định nội dung, hình thức, in ấn, chế tạo, quản lý và sử dụng nhưng phải thể hiện số đăng ký (ĐK ...) được cấp và số seri của tem.”	nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
Điều 40. Giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận hiệu chuẩn, giấy chứng nhận thử nghiệm 1. Giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận hiệu chuẩn, giấy chứng nhận thử nghiệm có nội dung và hình thức tương ứng theo Mẫu 18.GCNKĐ, Mẫu 19.GCNHC, Mẫu 20.GCNTN tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.	Không quy định.	Điều 1 22. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 40 như sau a) Sửa đổi khoản 1 Điều	- Làm rõ Quy định áp dụng cho Giấy chứng nhận cấp cho phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường để kiểm định

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
2. Giấy chứng nhận kiểm định được cấp cho từng phương tiện đo đạt yêu cầu quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành. 3. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn được cấp cho từng phương tiện đo hoặc từng chuẩn đo lường để cung cấp giá trị đo (cùng với độ không đảm bảo đo của giá trị đo) của chuẩn đo lường, phương tiện đo hoặc cung cấp mối quan hệ giữa với giá trị đo của chuẩn đo lường, phương tiện đo với giá trị đo của đại lượng đo. 4. Giấy chứng nhận thử nghiệm (hoặc giấy chứng nhận kết quả đo, thử nghiệm) được cấp cho từng mẫu phương tiện đo, chuẩn đo lường để cung cấp đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo, chuẩn đo lường đó. 5. Giấy chứng nhận kiểm định được sử dụng độc lập hoặc kết hợp với dấu kiểm định, tem kiểm định trong các trường hợp quy định tại Điều 38, Khoản 1 Điều 39 của Thông tư này theo yêu cầu sử dụng và quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành. 6. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn được sử dụng độc lập hoặc kết hợp với tem hiệu chuẩn trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 39 của Thông tư này theo yêu cầu sử dụng và quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành.		40 như sau “1. Giấy chứng nhận kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, giấy chứng nhận hiệu chuẩn, thử nghiệm chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 phải đảm bảo nội dung quy định tại Điều 41 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN và hình thức tương ứng theo Mẫu 18. GCNKĐ, Mẫu 19. GCNHC, Mẫu 20. GCNTN tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN”. b) Sửa đổi khoản 2 Điều 40 như sau “2. Giấy chứng nhận kiểm định được cấp cho từng phương tiện đo đạt yêu cầu quy định tại pháp luật thực hiện tương ứng theo quy định của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc theo văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành.” c) Bổ sung khoản 7 Điều 40 như sau	phương tiện đo nhóm 2 (bắt buộc phải áp dụng theo hình thức và nội dung theo Thông tư này) và Giấy chứng nhận cấp cho các trường hợp khác chỉ cần đảm bảo nội dung tương ứng tại Điều 40 và Điều 41 và thể hiện ký hiệu ĐK... trên Giấy chứng nhận. - Bổ sung trường hợp Giấy chứng nhận điện tử hoặc được số hóa từ bản giấy theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. - Bãi bỏ khoản 5 và 6 do trùng lặp quy định với Điều 38 và Điều 39.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		“7. Giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận hiệu chuẩn, giấy chứng nhận thử nghiệm đối với phương tiện đo nhóm 1 và chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 do tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tự quy định nội dung, hình thức, in ấn, chế tạo, quản lý và sử dụng nhưng phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 40 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 24 Điều 1 Thông tư này, khoản 3 và khoản 4 Điều 40 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN, các quy định tương ứng tại Điều 41 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Thông tư này và các yêu cầu sau: a) Thẻ hiện số đăng ký (ĐK ...) được cấp của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; b) Thẻ hiện trên giấy chứng nhận một trong các nội dung ghi chú sau: “Phương tiện	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác”; “Phương tiện đo (hoặc chuẩn đo lường) này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.” ;“kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo”.” d) Bổ sung khoản 8 Điều 40 như sau “8. Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được thể hiện dưới dạng điện tử hoặc được số hóa từ bản giấy phải đáp ứng các quy định tương ứng của Điều 40 và Điều 41 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tương ứng tại khoản 24 và khoản 25 Điều 1 Thông tư này và đảm bảo giá trị pháp lý theo quy định về chứng thư điện tử của pháp luật về giao	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		dịch điện tử.” - Khoản 1 Điều 2 bãi bỏ khoản 5 và khoản 6 Điều 40	
Điều 41. Trình bày nội dung trên giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận hiệu chuẩn, giấy chứng nhận thử nghiệm 1. Giấy chứng nhận được trình bày trên khổ giấy A4 (210 × 297) mm. 2. Phần chữ tiếng Anh phải có cỡ chữ nhỏ hơn chữ tiếng Việt. 3. Nội dung ghi phải rõ ràng, sạch, không viết tắt, không tẩy xóa. Tên và kí hiệu đơn vị đo, giá trị đại lượng, giá trị sai số... phải trình bày đúng quy định về đơn vị đo pháp định. 4. Số của phương tiện đo, chuẩn đo lường: Ghi theo số sản xuất của phương tiện đo, chuẩn đo lường. Trường hợp phương tiện đo, chuẩn đo lường không có số sản xuất, nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải đánh số lên phương tiện đo, chuẩn đo lường và coi đó là số của phương tiện đo, chuẩn đo lường. 5. Nơi sản xuất của phương tiện đo, chuẩn đo lường: Ghi rõ tên nhà máy hoặc hãng sản xuất và nước sản xuất của phương tiện đo, chuẩn đo lường. 6. Phân đặc trưng kỹ thuật đo lường: Ghi tóm tắt các đặc trưng đo lường chính của phương tiện đo, chuẩn đo lường như phạm vi đo, cấp chính xác... Trường hợp phương tiện đo, chuẩn đo lường không ghi cấp chính xác thì ghi sai số cho phép hoặc giá trị độ chia nhỏ nhất hoặc độ không đảm bảo đo. Trường hợp phương tiện đo, chuẩn đo lường có nhiều phạm vi đo thì ghi	Không quy định.	- Khoản 1 Điều 2 bãi bỏ khoản 1 và khoản 2 Điều 41. - Điều 1 23. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau a) Sửa đổi khoản 7 Điều 41 như sau “7. Phương pháp thực hiện (còn được gọi là quy trình thực hiện): Ghi số hiệu và tên văn bản hoặc quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được áp dụng để thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.” b) Sửa đổi khoản 10 Điều 41 như sau “10. Thời hạn giấy chứng nhận: a) Thời hạn của giấy chứng nhận kiểm định phương tiện đo nhóm 2, giấy chứng nhận hiệu chuẩn chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	- Bổ yêu cầu về kích thước và ngôn ngữ của Giấy chứng nhận, không quy định những quy định không cần thiết cho hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. - Bổ sung từ đồng nghĩa “quy trình thực hiện” theo định nghĩa tại điểm 7.2.1.1 TCVN/ISO 17025 2017. - Giải thích, làm rõ thời hạn hiệu lực của GCN đối với phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (bắt buộc theo quy

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
các đặc trưng này theo từng phạm vi đo của phương tiện đo, chuẩn đo lường. 7. Phương pháp thực hiện: Ghi số hiệu và tên văn bản hoặc quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được dùng để thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. 8. Phân kết quả được ghi như sau: a) Đối với giấy chứng nhận kiểm định phương tiện đo: Ghi “Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường”; b) Đối với giấy chứng nhận hiệu chuẩn, giấy chứng nhận thử nghiệm: Ghi “ Xem kết quả tại trang.....”. 9. Tem kiểm định: Phải ghi đầy đủ số seri và số của tem kiểm định. Trong trường hợp không phải sử dụng tem, mục này để trống. 10. Phần có giá trị đến: Ghi ngày cuối, tháng cuối của chu kỳ kiểm định, hiệu chuẩn quy định. 11. Phần ký giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm: a) Có đủ chữ ký, họ và tên của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc của Trưởng phòng thí nghiệm. Trường hợp cấp giấy chứng nhận kiểm định, nhân viên kiểm định phải là người đã được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường; b) Có đủ chữ ký, họ và tên, dấu chức danh của Thủ trưởng hoặc người được uỷ quyền và đóng dấu hành chính của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.		phải ghi ngày cuối, tháng cuối chu kỳ kiểm định, hiệu chuẩn quy định. Ví dụ: Chu kỳ kiểm định quy định đối với cột đo xăng dầu là 12 tháng. Nếu cột đo xăng dầu đã được kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định ngày 15/10/2013. Trên giấy chứng nhận kiểm định, “phần có giá trị đến” phải ghi là: 30/10/2014.” b) Thời hạn của giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với phương tiện đo nhóm 1 và chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 được xác định theo quy định của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. c) Sửa đổi điểm a khoản 11 Điều 41 như sau “a) Có đủ chữ ký, họ và tên của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc của Trưởng phòng thí nghiệm. Trường hợp cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện đo	định thông tư này về thời hạn) và các trường hợp khác do tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tự quy định.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		nhóm 2, nhân viên kiểm định phải là người đã được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường;”	
Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm 1. Duy trì các điều kiện hoạt động quy định tại Điều 3 của Thông tư này. 2. Ban hành và tổ chức thực hiện quy định về quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. 3. Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về: Quản lý và sử dụng chuẩn đo lường, phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; chế tạo và quản lý, sử dụng chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. 4. Định kỳ hàng năm trước ngày 31 tháng 01 hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lập báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (theo Mẫu 5.BCHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) gửi về Ủy ban và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương. 5. Thực hiện quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.	Không quy định	Khoản 1 Điều 2 bãi bỏ Điều 42	Tránh trùng lặp với quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn thử nghiệm (đã được quy định tại Nghị định số 105/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 154/2018/NĐ-CP)
Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức kiểm định, hiệu	Không quy định	Điều 1	- Áp dụng quy

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
chuẩn, thử nghiệm được chỉ định 1. Duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này. 4. Chỉ được tiến hành kiểm định phương tiện đo sau khi chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 đã được chứng nhận và nhân viên kiểm định đã được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.		24. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau “Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định 1. Thực hiện kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, hiệu chuẩn, thử nghiệm chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm theo lĩnh vực được chỉ định; chỉ được tiến hành kiểm định phương tiện đo nhóm 2 khi quyết định chỉ định, quyết định chứng nhận chuẩn đo lường, quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên được cấp đối với lĩnh vực kiểm định được chỉ định còn hiệu lực; tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành; lưu giữ đầy đủ kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã cấp cho khách hàng; tuân thủ, duy trì và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về việc tổ chức thực hiện các điều kiện	định điểm a khoản 1 Điều 11 Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ (“Thực hiện kiểm định, ... được chứng nhận đăng ký”) đối với trường hợp tổ chức được chỉ định, đồng thời làm rõ trách nhiệm của tổ chức được chỉ bao gồm: định chỉ thực hiện trong phạm vi được chỉ định và khi các quyết định đã cấp (quyết định chỉ định, quyết định chứng nhận chuẩn và quyết định chứng nhận, cấp thẻ, kiểm định viên còn hiệu lực); tuân thủ theo văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành; - Bổ sung nội dung yêu cầu lưu

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định quy định tại Điều 4 Nghị định số 105/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại các khoản 6, 7, 8, 9 và khoản 10 Điều 2 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.	giữ giấy chứng nhận nhằm tăng trách nhiệm pháp lý, bảo đảm khả năng truy xuất khi có khiếu nại, tranh chấp hoặc phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra. - Áp dụng quy định điểm a khoản 1 Điều 11 Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ (“tuân thủ, duy trì và lưu giữ các điều kiện hoạt động quy định tại Nghị định này”) đối với trường hợp tổ chức được chỉ định, điều chỉnh và viện dẫn việc duy trì điều kiện hoạt động theo điều khoản tương ứng tại Nghị định số 105/2016/NĐ-CP.
2. Ban hành và tổ chức thực hiện quy định về quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của nhân		2. Ban hành và thực hiện	- Kế thừa quy định đã có tại khoản 2,3

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. 3. Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về: Duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường, phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; chế tạo và quản lý, sử dụng chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại của Thông tư này.		quy định về duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường, phương tiện đo để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đảm bảo tính liên kết chuẩn đo lường; biện pháp ngăn ngừa, phòng chống sự tác động làm thay đổi các đặc tính kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo, chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng; quy định về nội dung, hình thức, in ấn, chế tạo, quản lý và sử dụng tem, dấu, giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường quy định tại Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này. Trường hợp thực hiện số hóa giấy chứng nhận bản giấy hoặc cấp giấy chứng nhận điện tử thì phải đảm bảo tính pháp lý theo quy định về chứng thư điện tử của pháp luật về giao dịch điện tử;	Điều 43 và quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 105/2016/NĐ-CP. - Bổ sung quy định đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận điện tử nhằm cho phép các tổ chức có thể sử dụng hình thức giấy chứng nhận điện tử thay vì hình thức bản giấy truyền thống.
		3. Xây dựng và niêm yết công khai về giá kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định; chấp hành quy định	- Đưa quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 105/2016/NĐ-

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		về giá dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;	CP áp dụng cho trường hợp tổ chức được chỉ định.
5. Yêu cầu kiểm định viên đo lường xuất trình và đeo thẻ khi thực hiện kiểm định phương tiện đo.		4. Yêu cầu kiểm định viên đo lường xuất trình và đeo thẻ khi thực hiện kiểm định phương tiện đo; thu hồi thẻ, báo cáo và nộp thẻ của kiểm định viên không còn được giao tham gia hoạt động kiểm định về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức được chỉ định đăng ký địa chỉ trụ sở chính; hoàn thành việc đào tạo cập nhật nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong vòng một (01) năm kể từ khi có sự thay đổi, cập nhật văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam liên quan đến lĩnh vực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.	- Điều chỉnh cơ quan thu hồi thẻ kiểm định theo quy định phân cấp tương ứng với các thủ tục hành chính về chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên - Bổ sung yêu cầu đào tạo cập nhật kiểm định viên khi văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam được cập nhật, thay đổi.
6. Thu hồi thẻ, báo cáo và nộp thẻ của kiểm định viên đo lường không còn được giao tham gia hoạt động kiểm định về Ủy ban.			
7. Lập báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 42 của Thông tư này.		5. Định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 3 hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà	- Điều chỉnh thời gian báo cáo tương tự như trường hợp tổ

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		nước có thẩm quyền, lập và gửi báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo Mẫu số 4 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 105/2016/NĐ-CP về Ủy ban, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức được chỉ định đăng ký địa chỉ trụ sở chính.”	chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và mẫu thực hiện theo mẫu được quy định tại Nghị định số 105/2016/NĐ-CP.
8. Thực hiện quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.		6. Thực hiện quy định tại Thông tư 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”	
Điều 44. Trách nhiệm của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm 1. Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm có trách nhiệm sau đây: a) Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo phân công của người đứng đầu tổ chức và phù hợp, trong lĩnh vực hoạt động đã đăng ký hoặc được chỉ định của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và phù hợp với lĩnh vực đã được đào tạo; b) Tuân thủ đúng trình tự quy định tại quy trình kiểm	Không quy định	Điều 1 25. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 44 như sau “a) Kiểm định phương tiện đo trong phạm vi lĩnh vực kiểm định đã được chứng nhận, cấp thẻ và trong phạm vi lĩnh vực kiểm định của tổ chức được chỉ định;”	- Bổ sung làm rõ trách nhiệm của kiểm định viên, chỉ thực hiện kiểm định đối với lĩnh vực được chứng nhận, cấp thẻ và trong phạm vi lĩnh vực của tổ chức được chỉ định. Sau khi phân cấp, kiểm định viên được chứng nhận

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Không chịu sự can thiệp dưới mọi hình thức đối với việc thực hiện và kết quả hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; d) Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về đo lường phải báo ngay với người đứng đầu tổ chức để phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; đ) Tuân thủ quy định tại Thông tư này và các quy định khác về đo lường. 2. Kiểm định viên đo lường trong tổ chức kiểm định được chỉ định ngoài các trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều này còn có các trách nhiệm sau đây: a) Kiểm định phương tiện đo trong phạm vi lĩnh vực kiểm định đã được chứng nhận; b) Đeo thẻ khi thực hiện kiểm định phương tiện đo; c) Không được dùng thẻ kiểm định viên đo lường vào các mục đích khác; d) Nộp lại thẻ kiểm định viên đo lường cho tổ chức kiểm định được chỉ định khi không còn được giao tham gia thực hiện kiểm định.			độc lập với thủ tục chỉ định tổ chức kiểm định. Vì vậy, kiểm định viên chỉ được phép thực hiện kiểm định sau khi tổ chức được cấp quyết định chỉ định, quyết định chứng nhận kiểm định viên đối với lĩnh vực kiểm định.
Điều 45. Trách nhiệm của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Không quy định	- Khoản 1 Điều 2 bãi bỏ cụm từ “Thực hiện việc đăng ký tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử	- Bãi bỏ nội dung quy định đã được quy định tại Nghị

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
1. Thực hiện việc đăng ký tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định tại Chương II của Thông tư này và chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định tại Chương III của Thông tư này. 2. Ban hành văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam, phê duyệt chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, nghiệp vụ đánh giá về đo lường. 3. Hướng dẫn, quản lý và tổ chức thực hiện đào tạo nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, chuyên gia đánh giá về đo lường. 4. Kiểm tra nhà nước về đo lường đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong phạm vi trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường. 5. Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về đo lường theo quy định của pháp luật.		nghiệm theo quy định tại Chương II của Thông tư này và” tại khoản 1 Điều 45. - Điều 1 26. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 45 như sau a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 45 như sau “5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm và phối hợp thanh tra về đo lường theo quy định của pháp luật.” b) Bổ sung khoản 6 Điều 45 như sau “6. Hướng dẫn và tổ chức quản lý chứng nhận chuẩn đo lường, chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên trên phạm vi cả nước; kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan quy định tại Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này trên phạm vi cả nước.” c) Bổ sung khoản 7	định 105/2016/NĐ-CP và Nghị định 154/2018/NĐ-CP (khoản 1) - Sửa đổi trách nhiệm về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm để phù hợp với quy định của pháp luật thanh tra (khoản 5) - Bổ sung trách nhiệm thống nhất quản lý về chứng nhận chuẩn đo lường và chứng nhận, cấp thẻ kiểm định trên phạm vi cả nước và kiểm tra việc thực hiện các nội dung nêu trên do phân cấp có thể dẫn đến việc thực hiện không đồng nhất giữa các địa phương. - Bổ sung trách

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		Điều 45 như sau “7. Cập nhật dữ liệu về đo lường trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đối với thông tin: (i) tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định sau khi thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này (ii) báo cáo tình hình thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của các tổ chức được chỉ định ngay sau khi tiếp nhận báo cáo của các tổ chức này; chủ trì việc kiểm tra, rà soát đảm bảo sự chính xác, đầy đủ, thống nhất, toàn vẹn của dữ liệu về đo lường trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. ,	nhiệm của Ủy ban về cập nhật cơ sở dữ liệu về đo lường do Bộ KH&CN xây dựng, quản lý và chủ trì việc kiểm tra, rà soát, đảm bảo sự thống nhất, toàn vẹn, chính xác, đầy đủ của cơ sở dữ liệu nêu trên.
Điều 46. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 1. Chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Khoản 3 Điều 13 của	Không quy định	Khoản 1 Điều 2 bãi bỏ Điều 46	Tránh trùng lặp, mâu thuẫn với Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ: Hướng dẫn

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường. 2. Chỉ đạo thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đo lường trên địa bàn, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về đo lường theo quy định của pháp luật.			chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường.
Điều 47. Trách nhiệm Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 1. Kiểm tra nhà nước về đo lường đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên địa bàn trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường.	Không quy định	Bãi bỏ	Tránh trùng lặp, mâu thuẫn với Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ: Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
2. Tuyên truyền, phổ biến quy định tại thông tư này cho các tổ chức, cá nhân liên quan. 3. Phối hợp thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về đo lường theo quy định của pháp luật.			môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường.
Chưa quy định	Chưa quy định	Điều 1 27. Bổ sung Điều 47a như sau “Điều 47a. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, đảm bảo các nguồn lực, điều kiện cần thiết để tổ chức thực hiện và triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư này trong phạm vi địa	- Bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo quy định tại dự thảo Thông tư và các trách nhiệm khác về thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		phương. 2. Cập nhật dữ liệu về đo lường trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đối với các thông tin về chuẩn đo lường và kiểm định viên theo quy định của Thông tư này. 3. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) trong các trường hợp sau: a) Rà soát việc thực hiện các quy định về chứng nhận chuẩn, kiểm định viên đảm bảo việc triển khai thống nhất và phù hợp quy định tại Thông tư này; b) Rà soát năng lực của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định khi quyết định chứng nhận chuẩn đo lường, quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên được điều chỉnh hoặc hủy bỏ hiệu lực khi có yêu cầu; c) Rà soát dữ liệu về đo	cáo và xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật và trách nhiệm phối hợp để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa chứng nhận chuẩn đo lường, chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên được phân cấp thực hiện tại địa phương và chỉ định tổ chức thực hiện kiểm định hiệu chuẩn thử nghiệm ở trung ương.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		lường trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng để đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, thống nhất và toàn vẹn. 4. Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về đo lường đối với tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định của pháp luật liên quan.”	
Điều 50. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này. 2. Cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. 3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.	Không quy định.		
		Điều 3. Điều khoản thi hành	- Bãi bỏ các quy định đã được đưa vào Thông tư này

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 20 . 2. Các quy định sau được bãi bỏ kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực: a) Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành. b) Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư số 07/2025/TT-	(khoản 2) + Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN. + Các Điều và Phần liên quan đến các thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường, chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên tại Thông tư số 07 - Điều 18 Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN - Quy định việc thực hiện theo văn bản mới khi xuất hiện việc cập nhật, sửa đổi, thay thế các nội dung viện dẫn (do dự thảo Nghị định sửa đổi, thay thế Nghị định số 105/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP đang được dự thảo

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		BKHCN) và Phần A Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN. 3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác kể từ ngày Thông tư này ban hành thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	
Phụ lục CÁC BIỂU MẪU <i>(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2013/TT-BKHCN</i> <i>ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ</i> <i>Khoa học và Công nghệ)</i> 1. Đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm Mẫu 1.ĐKCCDV 24/2013/TT-BKHCN 2. Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực	Phụ lục Mẫu số 01 (Đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường) Mẫu số 02 (Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường) Mẫu số 03 (Đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên) Mẫu số 04 (Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường) Mẫu số 05 (Thẻ kiểm định viên đo lường)	- Khoản 2 Điều 2 “2. Bãi bỏ Mẫu 1.ĐKCCDV; Mẫu 2.BCCSVC; Mẫu 3.GCNDK; Mẫu 4.ĐNĐC; Mẫu 5.BCHĐ; Mẫu 6. ĐNCĐ; Mẫu 8.PĐGKTĐL; Mẫu 11. ĐNCNCĐL; Mẫu 12.ĐNCNKĐVĐL; Mẫu 13.SYLL; Mẫu 14.TKĐVĐL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN.” - Điểm c khoản 2 Điều 3 “c) Bãi bỏPhần A Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN”	- Bãi bỏ các biểu mẫu đã được quy định tại Nghị định 105/2016/ NĐ-CP và Nghị định 154/2018/NĐ-CP (mẫu 01 đến mẫu số 5) - Điều chỉnh đơn giản hóa biểu mẫu tại Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN (mẫu số 1 và mẫu số 3) - Đơn giản hóa

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
Mẫu 2.BCCSV 24/2013/TT-BKHCN 3. Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm Mẫu 3.GCNĐK 24/2013/TT-BKHCN 4. Đề nghị điều chỉnh lĩnh vực hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm Mẫu 4.ĐNĐC 24/2013/TT-BKHCN 5. Báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm Mẫu 5.BCHĐ 24/2013/TT-BKHCN 6. Đề nghị chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm Mẫu 6.ĐNCĐ 24/2013/TT-BKHCN 7. Chương trình đánh giá Mẫu 7.CTĐG 24/2013/TT-BKHCN		- Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Mẫu số 1 Đề nghị chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm Mẫu số 2 Đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định Mẫu số 3 Phiếu đánh giá về kỹ thuật đo lường Mẫu số 4 Đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường Mẫu số 5 Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường Mẫu số 6 Công văn đề nghị điều chỉnh Mẫu số 7 Quyết định về việc hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường Mẫu số 8 Đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên	biểu mẫu đã quy định tại Thông tư số 07 (Mẫu số 01, 02, 04, 05, 06) thay thế các biểu mẫu mới, điều chỉnh theo hướng linh hoạt phù hợp với cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện các thủ tục hành chính về chứng nhận chuẩn đo lường, chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên và cụ thể hóa cách ghi thời hạn hiệu lực khi điều chỉnh quyết định. - Bổ sung biểu mẫu cho trường hợp đề nghị điều chỉnh (Mẫu số 2 và Mẫu số 6), mẫu Quyết định hủy bỏ hiệu lực của Quyết định chứng nhận chuẩn đo

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
8. Phiếu đánh giá về kỹ thuật đo lường Mẫu 8.PĐGKTĐL 24/2013/TT-BKHCN 9. Phiếu đánh giá về hệ thống quản lý Mẫu 9.PĐGHTQL 24/2013/TT-BKHCN 10. Biên bản tổng hợp kết quả đánh giá Mẫu 10.BBTHĐG 24/2013/TT-BKHCN 11. Đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường Mẫu 11.ĐNCNCĐL 24/2013/TT-BKHCN 12. Đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường Mẫu 12.ĐNCNKĐVĐL 24/2013/TT-BKHCN 13. Sơ yếu lý lịch Mẫu 13.SYLL 24/2013/TT-BKHCN 14. Thẻ kiểm định viên đo lường Mẫu 14.TKĐVĐL		Mẫu số 9 Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên Mẫu số 10 Thẻ kiểm định viên đo lường Mẫu số 11 Quyết định về việc hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên	lường (Mẫu số 07 và Mẫu số 11)

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
24/2013/TT-BKHCN			
15. Dấu kiểm định Mẫu 15.DKĐ 24/2013/TT-BKHCN			
16. Tem kiểm định Mẫu 16.TKĐ 24/2013/TT-BKHCN			
17. Tem hiệu chuẩn Mẫu 17.THC 24/2013/TT-BKHCN			
18. Giấy chứng nhận kiểm định Mẫu 18.GCNKD 24/2013/TT-BKHCN			
19. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn Mẫu 19.GCNHC 24/2013/TT-BKHCN			
20. Giấy chứng nhận thử nghiệm Mẫu 20.GCNTN 24/2013/TT-BKHCN			

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
Mẫu 6.ĐNCĐ	Không quy định	- Mẫu số 1 Đề nghị chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Quy định cụ thể theo từng hoạt động, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp khi tìm hiểu và điền biểu mẫu
Không quy định	Không quy định	- Mẫu số 2 Đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định	- Bổ sung biểu mẫu tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện TTHC
Mẫu 8.PĐGKTĐL	Không quy định	Mẫu số 3 Phiếu đánh giá về kỹ thuật đo lường	- Bổ sung địa điểm đánh giá - Bổ sung các cụm từ “hiệu chuẩn”, “thử nghiệm” “độ không đảm bảo đo” “sai số lớn nhất cho phép” đảm bảo mẫu phiếu áp dụng nhiều lĩnh vực hoạt động của tổ chức đề nghị chỉ định
Mẫu 11. ĐNCNCĐL	Mẫu số 01	Mẫu số 04 Đề nghị chứng nhận	Đơn giản hóa

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		chuẩn đo lường	mẫu Đơn đề nghị đã được quy định tại Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN; bãi bỏ cụm từ “...(tên tổ chức)... cam kết các chuẩn đo lường thuộc Mục 2 trên là sở hữu của đơn vị, không thuê, không mượn và không tranh chấp với tổ chức, cá nhân khác. ...(tên tổ chức)... chịu trách nhiệm trước pháp luật với các nội dung đã khai trong đơn này./.”
Không quy định	Mẫu số 02	Mẫu số 05 Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	Điều chỉnh mẫu Quyết định lại hướng linh hoạt phù hợp với cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện các thủ tục hành chính về chứng nhận chuẩn đo

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
			lượng và cụ thể hóa cách ghi thời hạn hiệu lực khi điều chỉnh quyết định.
		Mẫu 6 Công văn đề nghị điều chỉnh	Bổ sung mẫu công văn đề nghị điều chỉnh đối với các quy định điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận chuẩn, quyết định chứng nhận cấp thẻ kiểm định viên
Không quy định	Không quy định	Mẫu số 7 Quyết định về việc hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	Xây dựng mẫu Quyết định hủy bỏ hiệu lực của Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường để tạo thuận lợi thực hiện cho địa phương
Mẫu 12.ĐNCNKĐVDL	Mẫu số 03	Mẫu số 8 Đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên	Đơn giản hóa mẫu Đơn đề nghị đã được quy định tại Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN; bãi bỏ cụm từ “...(tên tổ

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
			chức)... cam kết các kiểm định viên đo lường có tên trên là thuộc đơn vị, chưa được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên ở tổ chức, đơn vị khác. ...(tên tổ chức)... chịu trách nhiệm trước pháp luật với các nội dung đã khai trong đơn này./”
Không quy định	Mẫu số 04	Mẫu số 9 Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên	Điều chỉnh mẫu Quyết định lại hướng linh hoạt phù hợp với cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện các thủ tục hành chính về chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên và cụ thể hóa cách ghi thời hạn hiệu lực khi điều chỉnh quyết định.
Mẫu 14.TKĐVDL	Mẫu số 05	Mẫu số 10 Thẻ kiểm định viên đo lường	Kế thừa nội dung quy định tại Biểu

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
			mẫu thẻ kiểm định viên tại Thông tư số 24 với điều chỉnh về phân cấp, phân quyền: - Giải thích trình bày trên thẻ kiểm định viên theo hướng linh hoạt tùy thuộc cơ quan cấp thẻ kiểm định viên tại địa phương - Hình ảnh minh họa điều chỉnh tiêu đề cơ quan cấp là “UBND tỉnh/thành phố và người ký là “Chủ tịch” những vẫn lưu ý có thể được điều chỉnh linh hoạt.
Không quy định	Không quy định	Mẫu số 11 Quyết định về việc hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm	Xây dựng mẫu Quyết định hủy bỏ hiệu lực của

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 24/2013/TT-BKHCN (Thông tư số 24) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ⁽¹⁾	THÔNG TƯ SỐ 07/2025/TT-BKHCN (Thông tư số 07)		
		định viên	Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên để tạo thuận lợi thực hiện cho địa phương